

HOI LUAN VAN CHUONG KIT U U

TINH THI

CHỦ NHIỆM

VŨ ĐÌNH HOÈ

- Tháng 6 - 12/1941
- Tháng 1 - 12/1942

1941 - 1942

AO 65 bis Bd ROLLANDES HANOI TEL 1604

THANH - NGHỊ

Nghi-luận, văn-chu'ớng, khảo-cứ'u

CHỦ NHIỆM : VŨ-ĐÌNH-HOÈ

TRONG SỐ NÀY :

- Muốn tránh sự sinh hoạt dật đờ, một phương pháp : *HIÊU-THỤ HỢP-TÁC-XÃ*, của DUY TÂM
- Mấy điều cải cách khẩn cấp trong gia đình giáo dục, của VŨ ĐÌNH HOÈ
- Thăm phòng triển lãm, của NGHỆ SĨ
- Cách tổ-chức thanh-niên đoàn ở Pháp trước và sau chiến tranh, của PHAN QUÂN
- Thanh-niên với Văn-chương Việt-nam, : *Một vài tin tưởng về nghệ thuật*, của ĐÌNH GIA TRINH
- Xã-hội Việt-Nam từ thế kỷ thứ 17, của THIỆN CHÂN
- Một cái họa lớn cho nòi giống Việt Nam, của Bác-sĩ ĐẶNG HUY LỘC
- Đứng trước một cái trại lửa, *truyện ngắn* của NGUYỄN TUÂN
- Luật thuê nhà sau mấy đạo sắc lệnh mới. của Đ.X.S.
- Kinh-tế Đông-dương từ hồi có chiến-tranh, của DUY TÂM
- Đọc qua báo chí trong ngoài
- Thế giới trong tháng vừa qua
- Đưa con, *truyện dài* của ĐỒ ĐỨC THU

GIÁ: C^h20

Sinh hoạt đất đỏ nay đã thành ra một nạn làm cho mọi người phải chú ý. Nguyên nhân

sự tăng giá các vật dụng rất phức tạp ; ở trong đó, sự đầu cơ chiếm một phần lớn.

Trống với nạn đất đỏ, chính phủ đã lập những hội đồng định giá, đã trừng trị những nhà buôn gian tham, và, hơn thế nữa, đã đứng ra mua và bán thẳng cho dân vài thứ hàng khan cần thiết cho sự sống hàng ngày.

Nhưng muốn cho chính sách đó có hiệu quả lâu dài và thấu tới mọi chỗ trên thị-trường, mọi giai-cấp trong xã-hội, cùng với cách định-lệ và trừng phạt mà riêng nhà cầm quyền mới dùng được, ta phải thực hành những phương pháp đề phòng có tính cách kinh-tế : đó là công việc tư-nhân phải đảm nhiệm lấy.

Làm cho diệt nạn đầu-cơ, không gì bằng lập rất nhiều hiệu bán theo giá nhà nước đã định ; ngăn cho giá bán lẻ đỡ cao, không gì bằng dảm bớt số người môi giới mà dẫn người tiêu-thụ đến gần người sản-xuất ; nếu vì những trường hợp mà ta không làm chủ được, giá hàng từ lúc buôn tới lúc bán bắt buộc phải tăng, muốn cứu-trợ người mua không gì bằng cho họ hưởng một phần số tiền lãi của hàng đã bán cho họ.

Ta có thể đi tới các kết quả hay ấy bằng cách lập

Tiêu-thụ Hợp-tác-Xã

(Coopératives de consommation)

Nhiều người góp vốn lại, ủy thác một người mua chung vài thứ hàng rồi đem về chia lại cho nhau, sự hợp-tác ấy, nhiều người biết, nhiều người đã từng thực hành. Nhưng trên thị-trường bây giờ, buôn bán phải cạnh tranh và luôn luôn cần trực-tiếp với những người sản-xuất và tiêu-thụ xa lạ, mỗi người không thể đột nhiên thành nhà buôn có kinh-nghiệm được; sự hợp-tác không có tổ chức kia vì thế chỉ có thể đem áp-dụng vào vài thứ hàng dễ mua dễ bán, hiệu quả của nó không ra quá được vòng vài người thân thích tin cậy chắc chắn ở nhau.

Cũng theo đuổi mục đích là bài trừ sự « bắt chẹt » và « ăn không » của một số người đứng trung gian, T.T.H.T.X. là những hội buôn của nhiều người tiêu-thụ lập lên nhưng hội có đủ điều-kiện đề ứng-hợp vào tình-trạng kinh-tế hiện-thời.

Sự quản trị của hội giao cho một người có bảo đảm, kinh-nghiệm điều-khiển như trong một hội buôn tư. Cũng như một nhà buôn tư, hội đặt ra những cửa hàng bán cho mọi người — hội viên và người ngoài — và bán theo giá trên thị-trường : về buôn bán, T.T.H.T.X. nhận theo hẳn kỹ-thuật tư-bản. Lập H. T. X. vì thế, không làm rối loạn thị-trường, chỉ ngăn ngừa sự đầu cơ mà không làm hại những nhà buôn nhỏ có lương tâm.

Nhưng T.T.H.T.X. khác với hội tư-bản về cách tổ-chức ở trong và về cách chia tiền lãi hàng năm,

Đối với pháp-luật, H. T. X. thường là một hội buôn vốn không có hạn định sau khi đã thành lập hội vẫn nhận thêm hội viên cho tới khi số vốn hay số hội viên đã đến một hạn tối cao định trước. Vốn hội chia ra nhiều phần nhỏ (thứ dụ 5 hay 10 đồng một phần) để khách hàng của hội có thể vào một hay nhiều phần và thành hội viên một cách dễ dàng. Trung bình ở Anh mỗi H.T.X. có tới 3.000 hội-viên và ở Pháp 300 hội-viên.

Muốn tránh sự sinh hoạt đắt đỏ

MỘT PHƯƠNG PHÁP: TIÊU THỤ HỢP TÁC-XÃ

của DUY-TÂM

Trong một hội buôn tư, lãi hàng năm chia theo với phần vốn mỗi người đã bỏ vào hội ; trong H. T. X. mỗi phần vốn chỉ

được mấy phần lãi nhất định không khác gì tiền cho hội vay. Hàng năm, khi đã trừ chi phí, giá « tiền lãi vay » của vốn và để một ít làm vốn trữ, còn số tiền lời đem chia cho hội-viên, mỗi người nhiều ít theo với số hàng người ấy đã mua ở hội.

Đại để, khi ta mua một vật ở một hàng tư, chủ hiệu bắt ta chịu giá buôn, một phần tiền chi phí và một số tiền lời, nhiều ít tùy theo giá đồ vật đương cao hay đương hạ. Bằng cách tổ chức H. T. X. số tiền lời ấy chỉ gửi lại hiệu rồi cuối năm lại hoàn giả về cho người hội-viên đã mua.

Tất nhiên, những khách hàng không có chân trong hội thì không được hưởng « số tiền hoàn lại » (ristourne) ; nhưng họ có thể xin vào hội hay ít ra thì cũng mua được rẻ, vì H. T. X. sẵn vốn, sẵn kinh-nghiệm, có cơ sở to tát bạc giờ cũng tìm cách trực tiếp hẳn với người sản-xuất để buôn rẻ và bán lại theo một giá phải chăng. Ở Âu-châu, những H.T.X. thường hợp lại thành những « H.T.X. bán buôn » để trồng trọt, chế tạo và tích trữ những hàng họ buôn : « H.T.X. bán buôn » ở tỉnh Manchester nước Anh có nhiều đồn điền riêng trồng trè ở Ấn-độ, rừng riềng ở Phi-châu và mười năm sống chế tạo thực phẩm, giày dép v. v.

Nguyên tắc T.T.H.T.X. rất giản dị ; sự kinh-nghiệm ở nước ngoài lại chứng tỏ rằng thực hành nguyên tắc ấy không phải là khó : trước hồi chiến tranh, trên thế giới có tới 8 vạn T. T. H. T. X. gồm 40 triệu gia-đình tức là ngót 150 triệu nhân khẩu, gần 1 phần mười ba nhân loại !

Ở xứ ta dân nghèo, lợi tức của nhiều người chỉ có hạn, số lương chung bình lại rất ít, lập T.T.H.T.X. không những là một việc có ích mà lại còn là một việc cần : nhất là trong lúc này, phẩm vật khan, người mua hay bị bắt chẹt, giá trị số tiền kiếm được bị sút kém, ta không được bỏ qua một phương pháp nào có thể đem giả lại cho người tiêu một phần « sức mua » mà họ đã bị mất.

Trình độ sinh-hoạt của một phần lớn quốc-dân ta đương bị lung lạc vì sự đầu cơ ở trong và ảnh hưởng chiến tranh tự ngoài đưa vào. Để chống đỡ cái trình độ sinh-hoạt ấy, bảo vệ sức khỏe và sự toàn ổn của gia-đình, giúp vào sự giữ trật-tự trong xã-hội, tư-nhân phải bỏ cách sống ích-kỷ, cô-độc, cầu-thả, phải trọng tinh-thần đoàn-thể và tự tổ-chức lấy những cơ-quan kinh-tế của mình.

C nước ngoài, khi giá sinh-hoạt cao thì phong trào hợp-tác-xã tiến : tại Pháp, cuộc chiến tranh 1914-1918 và sự đắt đỏ do cuộc chiến tranh ấy gây ra đã làm cho số hội viên H. T. X. vọt từ non một triệu (năm 1913) lên hơn 2 triệu (năm 1918) ; và số tiền xuất nhập của H. T. X. tăng gấp từ 320 triệu đến 2000 triệu quan.

Ở nước ta hiện nay, giá hàng đã lên tới một mực cao khiến cho nhiều gia đình phải lúng túng, nhiều nhà buôn làm vào cảnh hàng đắt mà thiếu khách. Chính bây giờ là lúc ta nên cõ-dộng để lập từ thành thị tới thôn quê, khắp mọi nơi trong cõi Đông-Dương những Tiêu-thụ Hợp-tác-xã.

(Xem tiếp trang 32)

Y. T. S. — Báo Thanh-Nghị có một ban chuyên môn để chỉ dẫn những bạn muốn biết tường-tần hơn về T.T.H.T.X. về phương diện pháp-luật, tổ-chức, kế-toán v. v. Ban chuyên môn rất hoan nghênh những ý kiến các bạn đã từng kinh-nghiệm về sự thực hành T.T.H.T.X. ở Đông-dương. Kỳ sau sẽ đăng « Vài điều kinh-nghiệm về T.T.H.T.X. ở Đông-dương và ở nước ngoài ».

MÃY ĐIỀU CẢI CÁCH KHÂN- CẤP TRONG GIA-DÌNH GIÁO-DỤC

— của VŨ-DÌNH-HÒE

TÔI còn nhớ nhờ than của một nhà thi sĩ :

« Than ôi !

*Văn minh Đông-Á trời thu sạch,
Này lúc luân thường đảo ngược ru ».*

Không cần phải là thi-sĩ, hay một nhà nho yếm-thế, hay một nhà đạo đức nghiêm-khắc, cứ bình tâm mà xét biện tình xã hội, ta phải công nhận rằng về hình-thức có tiến-bộ và về kiến-thức có mở mang được đôi phần hơn xưa, nhưng về phần tâm đức thì hầu hết trong các hạng dân gian sự sút kém thực rõ rệt gây mỗi lo sợ cho một số người biết suy nghĩ. Các nguyên tắc về luân lý xưa kia làm nền tảng cho gia đình và xã hội đang bị lung lạc — Mất căn bản, bọn thiếu niên chúng ta một số bị truy lạc, một phần rất lớn không có cốt cách gì, sống trợ thì chờ dịp xa ngã, còn một số ít biết lo lắng nhưng vì không được tu luyện do một cơ sở nào nên chỉ biết lo mà trong sự hành vi rất lúng túng và không dựa theo một phương-châm gì nhất định,

Sự suy vi về luân lý, nguyên nhân lớn là do tình trạng khủng hoảng của gia-đình giáo-dục.

Ai chẳng biết gia đình là cái lò đúc tính nết con trẻ, và về đức-dục thì gia-đình giáo-dục giữ một phần tối quan trọng. Vì giáo-dục gia đình không thực hành bằng những bài học về lý thuyết như những bài luân lý dạy ở trường mà dựa trẻ thường chỉ đọc thuộc lòng theo lối « học vẹt », Giáo dục gia đình là ở cái không khi đạo đức trong sạch đã lọc kỹ từ bao nhiêu đời do công trình của bao nhiêu thế hệ. Cái không khi tinh khiết ấy thấm nhuần h thần con trẻ. Chúng họ hấp để nuôi tâm một cách dễ dàng và tự nhiên như ta thờ

khí giới để nuôi cơ thể một công việc mà bình thường ta không hề bao giờ thấy sự khó khăn và phải quan tâm đến. Giáo-dục gia-đình là ở những nền nếp hay nó có một sức màu nhiệm là gây cho cá nhân những bản năng về luân lý. Những bản năng đó là những động lực tiềm tàng để điều khiển những cử động và hành vi của cá nhân trong suốt đời. Bọn nào như tôi, sống ở một gia đình theo nho học, đều nhận thấy sự tôn kính những mảnh giấy có chữ nho đã thành một nền nếp thiêng liêng nó in sâu vào óc bọn mình, từ thửa bé cho đến bây giờ không khi nào chúng ta dẫm lầy một mảnh giấy chữ nho mà không thấy ròn rợn. tuy chúng ta không còn học chữ nho và cũng chẳng đọc một cuốn sách nào của « thánh hiền » nho cả. Trái lại, những tờ giấy đặc chữ quốc ngữ (nhất là những tờ nhật báo cũ !) — thứ chữ đáng tôn kính — thì chúng ta vẫn thản nhiên dùng về mọi việc chẳng một chút kiêng nể gì. Sự trái ngược vô lý ấy rất dễ hiểu vì sự tôn sùng chữ quốc ngữ chưa thành một nền nếp trong gia-đình giáo-dục.

Các bạn sẽ thấy chẳng phải là mộ. ý kiến mới mẻ gì khi tôi nói rằng ngày xưa, nghĩa là trước khi tiếp xúc với văn hóa tây phương, nước ta có một nền giáo dục gia đình rất chắc chắn, vì sẵn có căn bản vững vàng, Căn bản ấy là nho giáo. Mọi hành vi của cá nhân, sự liên lạc của các phân tử trong gia đình, bổn phận và quyền lợi của mọi người, cách tổ chức gia đình, làng mạc và xã hội đều xác định theo một quan-niệm và những khuôn-khổ duy nhất. Những huấn lặc bất dịch (tam cương, ngũ thường...) cũ in sâu vào trí não mọi người trong khắp từng lớp xã hội — Những nền nếp sẵn sàng ấy là những yếu-tố của sự rèn cặp nhân tâm và sự duy trì thể đạo. Nó là những lẽ dai để giữ quyền sách được nguyên bình, cho dầu những trang giấy đã vì những ách vận mà bị rách nát.

Kịp đến thế kỷ thứ 20, vì sự tiếp xúc đột ngột với văn hóa tây phương những nguyên tắc về luân-ly đều bị lung lạc, nền giáo-dục gia đình đang trải một cuộc khủng-hoảng rất lớn. Những quan-niệm mới về quyền của cá nhân về tình vợ chồng, quyền hành cha mẹ, bổn phận dâu con đều có những chỗ tương phản với tư-tưởng nho giáo.

Xét tình trạng các gia-đình ta thấy những cảnh tượng như sau này.

Có những gia đình nghiêm khắc : bố mẹ muốn trồng lại với trào lưu mới nên hết sức

đề nên những khuynh hướng mới của con cái không hợp với những nền nếp cũ. Tôi đã được đọc những bức thư của một đôi vợ chồng trẻ tân học sau khi mới lấy nhau mà ít khi được giáp mặt nhau vì.Thật là một thiên tình sử,

KIỂM DUYỆT BỎ

Lại có những gia đình trong đó cha chú theo nền nếp cũ thấy con cái theo mới «nhớ nằng» thì làm nger hoặc vì không đủ mạnh để ngăn cản, hoặc để mặc việc đời thay đổi: «thời nào kỷ cương ấy». Một nhà sư phạm lão-thành mà tôi vừa được tiếp chuyện, nói đến những ông bố này đã dùng một chữ rất mạnh nhưng cũng rất đúng: ông phàn nàn về thái độ hèn nhát của những ông bố «**chịu đầu hàng**» (capitulation complète) trước những hành vi quá mới của các ông con bà dàu.

Trong hạng gia đình kể trên, ta có thể đặt vào tất cả các gia đình ở thôn quê mà những đứa con được ra tỉnh học võ vẽ dăm ba chữ tây tâu rồi quay lại khinh bố mẹ là quê mùa hủ lậu.

Ở giữa hai tình trạng tiêu cực ấy hai tình trạng sau này chiếm phần đa số.

Trong phái trung lưu, ta nhận thấy một sự vô tâm đáng chê trách của bố mẹ trong việc giáo dục con cái. Trước những nền nếp cũ bị suy kém, trước sự hỗn độn của những tư tưởng mới cũ, họ không trông thấy cái nguy hiểm cho tâm-hồn con trẻ. Những gia đình ấy chỉ biết cho con đi học và cho thế là đủ, có xét đầu rằng chương trình học bây giờ chỉ chú trọng đến phần trí dục và trong sự học mới, có những tư tưởng không ăn nhập với hoàn cảnh chung quanh đứa trẻ. Một đôi nhà dưng đặt mượn thêm cho con một ông giáo trong nhà để trút lên lưng người khác — nhiều khi là một ông «**giáo bất đắc dĩ**» làm việc để đợi thời — cái chức trách làm cha mẹ! Họ cho thế là đã hết lòng với con cái. Rồi họ yên tâm đi chơi hay họp các ông bà bạn mà đánh bạc hay nói chuyện xuống xã.

Sau hết là những gia đình vô học. Đó là đa số dân chúng. Đối với hạng này thì nay cũng như xưa, gia đình giáo dục tất nhiên là rất thô sơ. Nó chỉ dựa vào phong-tục tập-quán của xã hội — xã hội còn giữ nền nếp thì sự giáo dục trong gia đình này còn được vững chãi.

Một khi sự khủng hoảng về phong tục lan đến bọn này thì là một cái họa lớn cho xã hội. Việc đó đã bắt đầu xảy ra và nếu ta không kịp

sảy đắp một căn bản luân lý khác thì rồi ta sẽ thấy những con số khiếm sợ về các tội trạng trong xã hội.

Các bạn như tôi đã thấy sự quan trọng của gia-đình giáo dục đối với cả nhân và xã hội Ta lại thấy những hiện trạng không tốt đẹp gì của gia đình giáo dục — chắc các bạn cũng như tôi cảm thấy một sự hăng hái thúc giục khiến ta muốn cố gắng tìm những phương châm để lập lại một nền giáo dục gia đình và tìm những phương-pháp để thực hành những phương châm ấy.

Trên kia đã nói giáo dục gia đình là ở cái không khí đạo đức gây bởi những nền nếp hay. Những nền nếp cũ của gia đình đang bị lay động vì ngọn sóng mới, ta không thể quay về những nền nếp cũ được vì nó không còn thích hợp với cuộc tiến hóa của xã hội — Vậy ta **phải tạo ra những nền nếp mới**, theo sự biến đổi của các nguyên tắc về luân lý. Xưa kia ta dạy một đứa trẻ lên ba chấp tay vái lấy vái để một ông khách đến chơi nhà để được ông thưởng cho đồng trinh, xưa kia ta dạy con khép nép sợ sệt trước mặt người lạ, xưa kia ta dạy con gái phải thờ mẹ chồng, dạy con giai đi học làm quan để lấy tiền nuôi bố mẹ. Nhưng nay ta thấy phải dạy cho con tính tự trọng và tinh thần độc lập, nghĩa là phải dạy chúng những cử chỉ trái ngược hẳn với những thói quen khi xưa.

Vậy trước hết phải có một cuộc suy nghĩ rất kỹ càng để xét trong những nền nếp xưa có những điều gì không thích hợp với sự tiến hóa của đạo lý, xét trong những tư tưởng mới về luân lý có những điều gì trái ngược với nền nếp cũ, — để **định rõ những phương châm** làm nền tảng cho trường trình giáo dục mới.

Đến đây chắc các bạn chắc đã thấy tất cả sự khó khăn trong công việc giáo dục. Và những thói quen mới ta muốn gây cho con đối với mọi người trong gia đình và ngay đối với ta cũng chưa thành thói quen. Vậy ta phải có một thái độ rất nghiêm ~~gật~~ đối với mình. Lúc nào ta cũng phải **đám chú tự xét nét** nhất nhất trong một nhời nói hay một cử chỉ để tránh những sự vô ý rất dễ xảy ra mà tự mình hành động trái hẳn với những điều dạy bảo con cái — Ta dạy con phải có thứ tự mà trên bàn giấy của ta sách vở giấy bút để lung tung, ta dạy con không được nói dối mà vì muốn không tiếp một ông khách, ta sai con ra nói là đi vắng... Những sự mâu thuẫn rất có hại vì nó gây cho trẻ con những

hoài nghi nguy hiểm cho bộ óc non nớt của nó.

Rồi ta lại phải xét nét cả những nhời nói và việc làm của tất cả mọi người trong gia đình. Trong việc này lắm khi ta phải khoanh tay mà chịu là bất lực. Trong gia đình ta, còn cả ông chú, ông bác, bà cô, bà gì. Những điều mình dạy con thường bị người nhà cho là gán rỗi chế riễu trước mặt cả đứa trẻ và làm trái hẳn — Lại còn bọn con sen vú già... Chúng là những quân thù số một của nền giáo dục gia đình mới!

Vậy muốn dạy dỗ con theo những phương châm mới phải **sống ngoài đại-gia đình và người mẹ phải tự coi sóc lấy con.**

Trong lúc này mà công việc giáo dục là một việc khẩn cấp, người mẹ nào cũng phải dang sức làm công việc thiêng liêng ấy và coi như là một tội lỗi nếu giao con cho một con vú hay một ông giáo nuôi trong nhà.

Nhưng muốn làm tròn bổn phận người mẹ phải là một người đã được huấn luyện theo những tư tưởng mới — Đến đây ta đã đi vào một vấn đề xã hội. Việc giáo dục gia đình phải cần sự cố gắng của nhiều gia đình góp sức lại để tìm những phương pháp và

những phương tiện thực hành chung. Lúc này là lúc các bà mẹ phải lập **một hội** để tìm mọi cách gây dựng một nền giáo dục gia đình mới, và trước hết để tự huấn luyện trong công việc thiêng liêng ấy, bằng những buổi hội họp bàn luận, bằng những sách vở báo chí, bằng sự thiết lập những lớp mẫu giáo (classes maternelles). « Hội các bà mẹ » sẽ gây một phong trào về giáo dục mà sự quan trọng không ai dám bảo là nhỏ.

Nền giáo dục gia đình mà xây dựng được tức là đã có căn bản để ngăn ngừa sự khủng hoảng về phong tục.

Việc này lại là việc của các nhà cầm quyền.

Nói tóm lại một nền giáo dục gia đình được vững bền phải đặt trên hai nguyên-tắc, bề ngoài tuy có vẻ tương phản nhưng chính thực nó bổ cứu lẫn nhau : một là tạo thành những **nền nếp luân lý** để gây cái không khí đạo đức trong gia đình, hai là **tiến hóa** để thích nghi những nền nếp ấy với sự biến-đổi của cuộc đời luôn luôn chảy đi như một giòng nước.

THANH-NGHỊ tuần báo

DO MỘT NHÓM THANH-NIÊN CHỦ-TRƯỞNG

CÓ HAI PHẦN :

A. — Phần nghị-luận, khảo-cứu và văn-chương

Mỗi tháng ra một số vào ngày 5

B. — Phần TRẺ EM

(Nhi-dồng giáo-dục) — Mỗi tháng ra ba số vào ngày 5, 15 25.

— SỐ ĐẦU ĐÃ RA NGÀY: 15 MAI 1941

Ngoài những truyện, bài đăng tiếp, mục về thời sự, báo chí và thể thao

THANH NGHỊ

Nghị-luận, khảo-cứu, văn-chương

SỐ ĐẦU THÁNG JUILLET 1941 SẼ ĐĂNG :

- Quan-ì đời tư với đời công của những người có trách-nhiệm trong xã-hội
- Về việc hương-sư ở các làng Bắc kỳ của Tân-Phong [của Phan-Quản]
- Địa-vị và Giáo-dục Phụ-nữ ở nước Đức của Duy - Tâm
- Có thể lập dưỡng-lao-viện (Sanatorium) ở xứ ta không? của Bác-sỹ Đặng huy Lộc
- Tính cách văn chương Việt-nam trước cuộc Âu-hóa của Đình gia Trinh
- Nam-dương quần-đảo của D. X. S.
- Vài điều kinh nghiệm về Tiêu-thụ Hợp-Tác-Xã ở Đông-dương và ở nước ngoài của Duy-Tâm
- Đọc cuốn « Việt-Nam Văn Phạm » của ông Trần trọng Kim của Đình gia Trinh
- Cho vay lãi và cầm hộ trước Pháp-luật của D. X. S.

lừ 5 Juillet bắt đầu bán ở các hiệu sách to khắp Đông-dương và ở tòa báo

65 bis BOULEVARD ROLLANDES — HANOI

Hội họa và Sơn ở

PHÒNG TRIỂN LÂM NĂM NAY

của NGHỆ-SĨ

O' TRONG một không khí sáng sủa, phòng Triển lãm năm nay không bày ra cảnh bừa bộn, chông chắt. Những tác phẩm phổ trương hòa hợp theo sự thiết cần của sắc toàn thể và khuôn khổ tranh. Những họa phẩm đặt cạnh nhau, bởi thế, không làm hại nhau về màu sắc quá tương phản.

Tất cả phòng Triển lãm có vẻ vui tươi, đầy sinh khí. Óc thẩm mỹ không phải cái tội nhìn những bức tranh lựa giả tranh Tàu cổ nữa. Thật là một tai nạn đã qua! Ta còn nhớ đã có một hội nghệ-sĩ ta bắt chước tranh Tàu một cách không được thông minh lắm. Cái việc bắt chước ấy người ta gọi là « bảo tồn tinh túy của Hội Họa Á đông » mà tranh Tàu làm tiêu-biểu. Người ta nghĩ muốn bảo tồn cái tinh túy ấy theo lối tiện nhất, đỡ mất thì giờ nhất là tước tranh Tàu sao thì cứ làm thế. Vì những tranh Tàu đẹp nhất vẫn là tranh Tàu cổ nên người ta hùa nhau theo tranh Tàu cổ. Vì tranh Tàu cổ qua thời gian rất giải màu phai, sắc sạm, thân tranh dạn nát, nên người ta thấy bắt buộc phải sản xuất ra những tranh màu cũng phai, sạm, thân tranh cũng nát. Có họa-sĩ đem tác phẩm mình gấp năm gấp bảy cho miếng lụa hay vải mang những vết dạn ngang hay dọc. Có họa sĩ đem phủ một lần .. nước vối lên các màu ở tranh mình cho nó ủa đi, cũ đi. Có họa-sĩ lại gác họa phẩm mình trên gác bếp cho khói hun để vẽ tranh hóa cổ...

Cái công việc của những nhà bán đồ cổ giả ấy không còn quyến rũ được mấy nghệ-sĩ Việt Nam nữa. Và, vài năm nay, phòng triển lãm trước kia tối mờ, um những khói, đã từ trong số bếp dọn ra ngoài ánh sáng tươi đẹp của tạo vật.

Thay vào những màu « nước điều » và những hàng chữ nho bạ chỗ nào cũng viết, tác phẩm trưng bày đã phô ra những màu mát, êm, vui, gợi trong lòng ta những tình cảm đẹp. Theo con đường ấy, hội họa ta thoát ly được nhiều ảnh hưởng ngoài, đã tìm thấy đặc tính riêng mà trước kia lòng sùng mộ quá quắt mỹ-thuật đầu đã làm át mất. Bây giờ nghệ-sĩ dựa vào những cảm tình chân thật khi đứng trước vạn vật để tạo ra những tác phẩm, tuy chưa đến kỳ toàn mỹ, nhưng cũng là những nguyên liệu vững vàng để xây một nền mỹ-thuật Việt-Nam cho mãi mãi.

Trong những bức tranh lựa có đặc tính nhất ta phải kể trước bức « hai cô Mường » của Nguyễn-vân-Ty, bức « Thiếu nữ ngồi đan » của

Lương-x-Nhị, bức « Thiếu nữ ngồi chống nẹ » của Nguyễn-tiến-Trinh, và bức « vũ nữ Cao-Mên » của Nguyễn-tường-Lân. Bốn cái đặc tính ấy khác nhau, tranh Lương-x-Nhị ở sắc nhẹ nhàng như một hương vị thoảng; tranh Nguyễn-tiến-Trinh ở những màu rung động một cách đậm thắm; tranh Nguyễn-v-Ty ở tình ngây thơ trong sự lựa màu; tranh Nguyễn-tường-Lân khéo sắp đặt ngộ nghĩnh.

Với Lương-x-Nhị, Trần Văn-Cần, Nguyễn-đỗ-Cung, Nguyễn-Khang là những họa-sĩ hàng năm phòng Triển Lãm phải trông cậy về phẩm lẫn lượng, năm nay, chúng ta được thưởng thức trên tấm sơn ta rất xinh của Trần-v-Cần một cách hình dung nhân vật không theo sát sự thật, hóm hỉnh mà lại đầy linh động; của Nguyễn-Khang tài thu xếp những bộ phận trong tác phẩm; và của Nguyễn-đỗ-Cung, ở một cách, một cảm giác là lạ, như tả một không khí oi-ả, bức rộc.

Lưu-v-Sin và Nguyễn-cát-Trương có tài khéo tả chân trong hai bức vẽ lọ hoa. Nguyễn-v-Gi' là người năm nào cũng chiếm hàng nhất về sơn màu đưa bày. Tác phẩm ấy có nét không bao giờ nặng nề, gò gẫm, toàn những màu dễ thương, nhưng cũng hơi vội vàng. Nguyễn-Huyền, Nguyễn-đức-Nùng, Nguyễn-Nhật, Tạ-Ty, Hoàng-lập-Ngôn, Phạm-Tú, v. v... đều là những tên đã quen của một công chúng sành mỹ thuật.

Chúng ta phải buồn khi nhận thấy một vài họa-sĩ trẻ trong bước đầu ở nghề, thì tỏ ra có tương lai mỹ thuật tốt đẹp, từ bước đầu ấy vẫn không nhúc nhích, vẫn đem lại Phòng triển lãm những sản phẩm tương tự không bao giờ thay đổi. Tài nghệ như đến đấy là đứng, không còn hy vọng một ngày một mở, không mang dấu vết của một sự tìm tòi. Trong những nguyên nhân của sự ngừng trệ ấy, ta thấy sự tự mãn của nghệ sĩ sinh ra bởi những lời ca tụng quá ngoa của một vài bài báo. Thấy người quá khen, nghệ-sĩ tưởng mình đã lên đến đỉnh cao của nghệ thuật, không thấy cần phải đào sâu nữa, có biết đâu đối nghệ sĩ chỉ là một đời đầy công tìm tòi để sáng tạo.

**Thông-hiệu sự-vật
và tư-tưởng...**

Cách tổ-chức Thanh Niên Đ O À N

ở Pháp trước và
sau chiến tranh.

của PHAN-QUÂN

1-9-1939 ! Lệnh tổng động binh ban ra, toàn thể thanh niên Pháp đã xếp hàng dưới ngọn cờ ba sắc.

Cách tổ chức của họ lúc ấy cố nhiên là giản dị vì đó là cách tổ chức nhà binh.

Nhưng trước khi tổng ngũ, họ cũng đã có tổ chức, và sau mấy tháng sông pha, họ vẫn còn tổ chức. Duy trước chiến tranh và sau chiến tranh, cách tổ chức thay đổi hẳn : trước thì do « tư-nhân chủ trương » mà sau thì có « chính phủ tham dự »

Cách tổ chức do tư nhân chủ trương có hai đặc điểm, một là toàn thể thanh niên không hợp nhất, hai là cá-nhân không phải cưỡng bách nhập đoàn.

Trước chiến tranh, đoàn thể thanh niên ở Pháp rất nhiều mà không có liên lạc với nhau; như riêng ở xóm La-tinh Paris, năm 1939 có tới hơn mười nhóm ! Trường-Luật có ba, trường Sorbonne (văn chương và khoa học), có bốn, ấy là chưa kể những nhóm mà tôi không biết.

Những đoàn thể này nhiều khi cạnh tranh và xung đột.

Một nguyên nhân lớn của tình trạng thanh niên chia rẽ ấy là ở xu hướng chính trị khác nhau :

Mỗi chính đảng lớn, bất cứ tả hay hữu, có một cơ quan thanh niên tổ chức và hành động theo huấn lệnh của đảng. Thí dụ : nhóm thanh niên của ông Daudet thường gọi là A.F. (Action française) nhóm thanh niên P. P. F. của đảng ông Dor , nhóm thanh niên của đảng Xã Hội v. v...

Nhất là mấy năm gần đây, trào lưu chính trị rất mạnh : nó tràn ra ngoài các chính đảng mà tiếm nhập cả những đoàn thể không có tính cách chính trị chút nào. Thậm chí những rạp chiếu bóng, những hàng cơm cũng có xu hướng chính trị, thanh niên khuynh tả hay khuynh hữu hội họp, ăn uống và giải trí những nơi khác nhau.

Nhưng tựu trung cũng có đoàn thể thanh niên không có xu hướng chính trị, hay nói cho đúng, trong đó gồm có đủ thanh niên các chính đảng. Thí dụ : các đoàn hướng đạo và các hội sinh viên đại học

Trong các đoàn thể thanh niên, thì các hội sinh viên có thể kể vào bậc những hội có đã lâu và tổ chức hoàn bị ; mỗi trường đại học (Université) có một hội và tất cả họp lại thành « Pháp-quốc sinh viên tổng đoàn » (Union nationale des Etudiants de France : viết tắt là UNEF) năm 1940 có 35 000 hội viên. Mỗi năm tổng đoàn họp đại hội đồng có đại biểu khắp cả nước tới dự : ai đã dự những buổi hội họp đông đúc, náo nhiệt ấy không thể quên được tinh thần ái quốc của thanh niên Pháp. Tổng đoàn Pháp có chân trong một đoàn thể cao hơn nữa : « Quốc tế sinh viên tổng đoàn » (Confédération Internationale des Etudiants : viết tắt là C I E). Mỗi năm cũng họp một lần, có đại biểu sinh viên các nước (phần đông ở Âu châu); năm 1937 Quốc tế tổng đoàn họp ở Paris.

Một đoàn thể nữa cũng có tính cách nghiệp đoàn (caractère corporatif) : Thanh niên lao-công giáo hội (Jeunesse ouvrière chrétienne viết tắt J O C) tổ chức có quy củ mà rất hoạt động. Mấy năm gần đây, bành trướng rất mạnh :

1927 : hội có 9 liên đoàn (Fédérations)
35 đội (Sections)

1939 : 140 liên đoàn 1.900 đội.

1940 : 146 liên đoàn 2.100 đội (600.000 người)

Cơ quan của hội là tờ báo « Thanh niên công nhân » (La Jeunesse Ouvrière), hiện nay rất có thể lực.

Ngoài những đoàn thể có tính cách nghiệp-đoàn, còn có những đoàn thể có tính cách thể thao : Đồng tử quân (Scouts de France), Nam Hướng đạo (Éclaireurs de France) Nữ Hướng đạo (Fédération française des Eclaireuses) Thanh-niên lữ quán-hội (Centre laïc và Ligue des Auberges de la Jeunesse).

Đoàn thể thanh niên nào cũng có cơ quan hoạt động và mỗi năm có nhiều lần hội họp.

Những cuộc hội họp thanh niên gây rất mạnh tinh thần đoàn thể : ở đó ta có những cái cảm giác đặc biệt, ta nhận thấy rõ quyền lợi, lực lượng của ta, mà ta hăm hở phấn đấu ; ta cảm thấy danh dự của ta, của đoàn thể ta là một vật thiêng liêng. Ta cảm thấy có thể hy sinh đời ta mà phụng thờ danh dự.

Ấy là chưa kể biết bao kinh nghiệm khác lạ được khi ta sống chung với nhau và

cùng nhau tổ chức một công cuộc.

Hiềm một nỗi, theo chế độ tự do nhập đoàn, có nhiều thanh niên không chịu tham dự vào một đoàn-thể nào cả, hay nói cho đúng, họ đã vào nhiều đoàn thể, nhưng hoặc vì ích kỷ hoặc không biết trọng kỷ luật, hoặc hoài nghi hay kiêu căng, mà đối với đoàn thể rất lãnh đạm, rất bi quan : vin vào thuyết tự-do cá-nhân là thuyết đương thời rất thịnh hành, họ tự túc tự mãn trong một cõi đời tinh thần cô độc.



Thì vừa chiến tranh bùng nổ : thuyết cá-nhân đã tan tành dưới trận mưa bom. Gia đình, Tổ-quốc ! đó là khẩu hiệu của chế-độ mới. Tuổi trẻ không phải của riêng của cá-nhân, nó là của nhà, của nước.

Thanh-niên đoàn ở Pháp từ nay sẽ do chính phủ tổ-chức.

Đó không phải là ý muốn riêng của những nhà cầm quyền, đó là nguyện vọng của toàn-thể thanh niên đau đớn trước cuộc thất bại.

« Chúng tôi yêu cầu ngài cho chúng tôi một nước Pháp mới, một quốc-gia sẵn sóc đến chúng tôi khi mới bước chân lên con đường đời, ở gia đình, ở học đường và ở nhà máy »

Đó là một câu chích trống tờ thông điệp của hầu hết đại-biểu các đoàn thể thanh niên Pháp gửi cho Thống-chế Pétain mấy ngày sau cuộc đình chiến : ký tên có J. David hội-trưởng Pháp quốc sinh viên tổng đoàn Le Fèvre Ủy-viên toàn quốc hướng đạo, H. D'Havernas thay mặt Pháp quốc đồng tử quân, bà Dejean : thay mặt liên đoàn nữ hướng-đạo vân vân...

Hưởng ứng nguyện-vọng ấy, chính phủ lập trong nội các mới một bộ Thanh-niên và gia-đình. Phương châm mới có hai đặc điểm : khuếch-trương thể dục và gây mạnh tình đoàn thể.

Ông Jean Borotra, một nhà quần vợt có tiếng, được cử làm Ủy-viên của chính phủ để tổ chức thể dục của thanh niên, chương trình của ông là : bỏ thể thao nhà nghề. Trong một bài diễn văn ông có nói « Người xem phải xuống khán đài, phải cùng tập ở trên sân vận động » (Que les spectateurs descendent des gradins pour aller eux-mêmes sur la piste). Quan-niệm đó thật trái hẳn với quan-niệm thể thao trường giả : một vài bác nhà nghề vãi máu đồ mồ hôi để làm trò giải trí cho những hạng quần là áo lượt.

Muốn cho quần chúng ai cũng được tập,

chính phủ dự định xây rất nhiều sân vận động. Riêng vùng Paris sẽ có 80 sân, có thể dung được 80.000 thiếu niên. Lại còn mở những trường thao-luyện : hôm 12 - 1 - 41 đã mở trường thứ nhất : có 120 nam giáo viên và 90 nữ giáo viên.

Người ta lại nhận thấy cần phải có những người chủ trương có tư cách ở trong các đoàn thể thanh niên : nên chính phủ đã lập ở thành phố Uriage thuộc quận Isère một trường rèn đúc những người quản đốc thanh niên (Ecole des chefs).

Còn như đoàn-thể thanh niên, nay có thể chia làm hai hạng : những đoàn thể cũ, không có tính cách chính trị : như hướng-đạo, đồng-tử-quân, sinh-viên tổng đoàn và thanh niên công giáo hội (joc) v. v...

— những đoàn thể này đại-thể vẫn giữ như cũ : có khác là đặt dưới quyền quản đốc của chính-phủ : thí dụ trong ban quản trị hội sinh viên phải có 1/3 hội-viên được chính phủ ưng chuẩn.

Đoàn-thể mới lập ra quan trọng nhất có : « Thanh-niên đoàn » (groupes de la jeunesse) và « Thợ bạn nước Pháp » (Compagnons de France.)

« Thanh niên đoàn » do tướng La Porte du Teuil tướng trẻ nhất nước Pháp đứng tổ chức, hiện có 70.000 người 20 tuổi. Đoàn chia ra từng đội 20 người : mỗi năm sống giữa trời 6 tháng, luyện tập thân thể, phá rừng, đào sông, đắp đường — Về đức dục thì phát dương tình đoàn thể và thờ-phụng danh dự. Trong thanh-niên-đoàn : giàu, nghèo, bình đẳng cùng sống chung một cuộc đời vất vả nhưng mạnh mẽ và thú vị : họ sẽ hiểu thấu nhau yêu mến nhau, họ sẽ đồng tâm hiệp-lực mà xây đắp nền tảng mới của Tổ-Quốc.

« Thợ bạn nước Pháp » gồm có thanh niên từ 16 đến 26 tuổi hiện chưa nhập vào những đoàn thể kể trên ; mục đích là luyện tập thủ công và rèn đức tinh khí, Lời tuyên thệ của họ là « tôi xin hy sinh thân-tôi cho Tổ Quốc, tình nguyện theo huấn-lệnh trên, và bồi đắp công trình của bạn »

Những cơ quan trên này là tạm thời hay vĩnh định ?

Ông Goutel quản đốc thanh niên vụ ở Bộ Gia đình có tuyên bố rằng Chính Phủ sẽ ban hành một « hiến chương thanh niên » (Charte de la Jeunesse). Hiến chương ấy, hiện nay đã ban hành chưa ? Riêng phần tôi chưa nhận được tin gì đích xác.

(Xem tiếp trang 23)

THANH NIÊN VỚI VĂN-CHƯƠNG VIỆT-NAM

Một vài tin-tưởng về nghệ-thuật

của ĐÌNH GIA TRINH

NGUỒI ta thường trách thanh-niên tân học thờ ơ với văn-chương nước nhà, khinh miệt nó một cách vô lý. Nhời trách ấy rất đích đáng nếu người ta muốn nói thanh niên tri-thức của thời đại mới chưa hề đem cái học của mình, đem những phương pháp của Thái Tây áp dụng vào sự tìm xét, sự phê bình hoặc sự sáng tạo các tác phẩm. Nhưng nhời trách đó quá nghiêm khắc nếu người ta muốn than phiền rằng thanh niên mới chỉ ham đọc sách nước ngoài, mà chẳng bỏ những sách quốc văn. Vì nói thực ra, — sao ta lại không có can đảm để nói một sự thực? — Văn chương ta nghèo nàn quá và những tác phẩm của nó không đủ tư cách làm hài các sự nhu cần mà một văn minh của phương xa đã mang lại cho thế hệ trẻ chúng ta. Bao nhiêu sự thiếu thốn trong văn chương Việt-Nam! Trong cái xã hội đóng kín khi xưa nghệ thuật chỉ biết có một vài đường đi quen sẵn. Thi ca chỉ ca ngợi một vài tình cảm cổ-diễn, được xã hội thấu nhận; triết học, ở ngoài tác phẩm của một vài thiên tài, chỉ là những mở tư tưởng nhắc lại, những tranh luận vô tận về lời hơn là về ý. Sáng tạo ở văn chương không được quan niệm là một mục đích thiêng liêng mà muốn đạt tới ta cần đem dùng hết cả các năng lực của tâm hồn! Mỗi tác giả, viết trong những giờ nhàn rỗi chỉ để lại cho hậu thế dăm ba bài thơ, một vài cuốn luận thuyết, làm cho ta không khỏi ngỡ ngàng trước sự phong phú của văn chương một nước bên Tây Phương. Ở đất nước ta những cánh bay của nghệ thuật bị chững rặng xuống dưới tinh thần phục cổ và những á bức mà luân lý, mà các tập quán xã hội đè nặng tinh cảm của người ta. Văn chương không thể tốt đẹp phong phú được nếu Sự Sống của cá nhân không được hoàn toàn phát triển. Cho nên có những cõi đất trong nghệ thuật mà tổ tiên ta chưa hề bao giờ bước chân tới! Nhà danh sĩ Pháp Gide khuyên các nghệ sĩ tìm đến những cõi rừng rú xưa nay chưa ai đến tới, vì những đất quen thuộc, những đất ở đồng bằng» đã bị cuộc sôi nổi quá rồi! Văn chương Việt-Nam, có bao miền, bao

góc đồng bằng vẫn có thể nói là còn hoang dại. Nay ta xét tới văn chương của thời đại chúng ta. Ở gốc sự sáng tạo trong văn chương bao giờ cũng phải có một sự sống mãnh liệt. Nếu ta dùng văn chương làm kế sinh nhai, nếu hôm nay ta phải viết trọn cuốn tiểu thuyết này cho một nhà xuất bản nọ chỉ có mục đích là để lấy tiền nuôi sống vợ con ta, nếu, khi viết ta phải nghĩ đến một bọn độc giả chỉ ưa những mẫu sơ sai của nghệ thuật, thì quyết nhiên ta không phải là văn sĩ. Nước ta từ ngày Hán học suy bại và Tây học thịnh hành đã được mục kích trong văn chương một cảnh tượng đáng làm nản lòng: Những kẻ tự cho mình là văn sĩ, là thi sĩ thì nhiều mà tác phẩm nào có mấy. Ngoài một số ít văn sĩ có chân tài, có thực học, đường phố Hà thành nhan nhản biết bao cậu học trò nhặng bỏ phận sự ở nhà trường đi làm thi sĩ, biết bao văn sĩ viết để sống, để xu thời, để làm hài lòng một số độc giả ít học văn bằng những văn chương cạn bã? Những ngó ngàng, những non nớt vụng về của họ không khỏi khiến cho kẻ đã tầm tinh thần trong Tây học phải hổ thẹn với người các nước.

Trước một tình trạng như vậy, thanh niên chúng ta cần phải hành động thế nào?

Chúng ta trước hết phải làm một việc rất cần thiết: đem văn chương của tổ tiên ra, giải thích, phê bình bằng những phương pháp mới. Xưa kia ông cha ta không có quyền xét đoán tổ tiên, có viết tới các hiền triết, các văn gia đời trước cũng chỉ là để ca ngợi (« Ôi tiền-bối thật tay thợ khéo »), theo câu của một nhà giải thích Cung Oán) chứ không phải để phê bình, theo nghĩa xác thực của tiếng ấy. Cho nên nếu chúng ta có một tin tưởng mạnh mẽ hơn các tin tưởng khác thì đó là chúng ta có thể làm trọn được trọng trách ấy, đem rọi vào văn học sử Việt Nam những ánh sáng mới mẻ, xét đoán người và tác phẩm với một tinh thần khoáng đạt mà chỉ có tư tưởng Thái Tây mới đem lại được cho ta, và làm cho những ai chưa từng biết đến tinh-túy của Tây học hiểu được những rung động kỳ lạ, rõ được giá trị văn chương nước nhà.

XÃ - HỘI VIỆT - NAM TỪ THẾ KỶ thứ MƯỜI BẢY

của **THIỆN CHÂN**

Lời tòa soạn

Ý định chúng tôi là làm cho nhiều người chú ý đến sự tiến hóa của dân tộc Việt-Nam và thu nhặt tài liệu để tả sự tiến-hóa ấy. Những bài sau đây chỉ là một công việc bắt đầu : chúng tôi chọn và dịch những đoạn sách cổ ghi chép việc thực về đời sống của dân ta ngày xưa. Phê-bình những sử liệu ấy là công việc sau đây sẽ làm. Từ cuối thế kỷ 16, người Âu-châu đã sang ta và biên thuật về xã hội ta rất nhiều, bằng các thứ tiếng, la-linh, Pháp, Anh, Đức, Y-pha-nho, Bồ-đào-nha và Hòa-lan. Muốn chép sử ta một cách đầy đủ, chắc chắn không những phải dùng hết tài liệu đó mà còn phải nghiên cứu các sách vở của người Miên, Lào, Chiêm, Thái, Thổ, Mường mà nhất là những sách chữ nho, chữ nôm mà càng ngày càng ít người đọc và hiểu được một cách chu-đáo. Công việc đó quá sức một người hay một bọn ít người ; vậy chúng tôi rất hoan nghênh sự hợp tác của mọi người — Nho-học hay Tây-học cùng theo đuổi với chúng tôi một mục đích là « làm sống lại » những đoạn Nam-sử hiện nay nhiều người đương sao nhãng.

ALEXANDRE DE RHODES

Cố Alexandre de Rhodes (1591 - 1660) tới Trung-Kỳ năm 1624, tháng ba 1627 được cử ra lập giáo-đoàn tại Bắc-kỳ ; tháng năm 1630 thì bị chúa Trịnh-Tráng đuổi ra khỏi xứ Bắc. Cố quay về Trung-kỳ rồi sang Áo-môn (Macao bên Tàu), đầu tháng hai 1639 lại trở về Trung-kỳ. Nhưng mấy năm sau chúa Nguyễn, Công-thương-Vương, cấm đạo, cố bị bắt và bị kết án tử-hình, nhưng không bị chém chỉ bị trục-xuất ra khỏi xứ (tháng bảy 1645). *Quyển HISTOIRE DU ROYAUME DU TUNQUIN* trích dịch sau đây xuất-bản năm 1651 tại Lyon (Pháp) bằng tiếng Pháp.

LỄ TỊCH - ĐIỀN VỀ ĐỜI LÊ (I)

NOI các tục được dân thành-tâm theo ở Bắc có một tục chính là tục hàng năm vào hồi đầu xuân thì theo lễ khai đất và lễ khởi đầu việc cấy bừa một cách long trọng. Cứ đầu năm, tức là vào khoảng giữa hai tiết đông-chí và xuân-phân — theo như lối ta tính thì vào tuần trăng non vào gần ngày mùng năm tháng hai dương lịch nhất, đến ngày các nhà toán số đã chọn, thường thường vào mùng ba tết, thì mọi người có chức vụ, hay tước vị trong nghề võ

(I) Đầu đề của người dịch. Trong bài bao giờ cũng hết sức dịch theo đúng nguyên văn vì thế có nhiều đoạn hơi khắc khổ và một vài điều xét đoán sai của tác-giả cũng vẫn đề.

hay văn, đều phải mặc lễ phục, đeo ấn thụ vào cung đề hộ tống vua ngự giá qua kinh thành ra tới vùng nhà quê, theo nghi tiết tôi sẽ tả theo đây.

Quân lính gọi ở khắp trong nước về, dàn đi trước có thứ tự và rất đông, vì họ đến mấy nghìn người, người nào cũng đeo khí giới của đội mình, người thì cung tên, người thì thương giáo hay súng. Theo sau là các tướng và tất cả những người quý phái, tùy theo chức phận, một phần cưỡi ngựa, một phần cưỡi voi ; ngựa và voi có tới hơn ba trăm con, đều đóng yên phủ bành sang trọng, đã đầy đồ thuần thực.

Đại-tướng thống lĩnh quân đội và là phó-vương cầm quyền trị nước, hiệu là chúa Thanh-Đô Vương đi sau cùng bọn quý tộc, ngồi trên một chiếc xe thấp thếp vàng, theo sau có một con voi đóng bành lông lấy có người giắt, khi nào chúa thích thì lại cưỡi và điều khiển đủ mọi lối khiến cho dân chúng vui thích ngắm nhìn tỏ vẻ kính cần và thán phục.

Đi bộ theo sau là một số đông vô kể. những ông nghè, ông cử, ông tú mặc áo giải lụa hay gấm vóc màu tím thắm, mỗi người có thể bái chỉ rõ chức vụ và phẩm trật của mình.

Sau cùng đến đức Vua, ngồi trên một chiếc kiệu chói lọi phủ một tấm dèm quý giá thêu kim tuyến và màu xanh, màu ấy là màu riêng Vua mới được dùng.

Theo hàng thứ và nghi trọng như thế, đức Vua ra khỏi hoàng cung vẫn gọi là Đền, chu-vi rộng bằng một tỉnh lớn, rồi qua những phố chính kinh thành, thường gọi là Kẻ-chợ, mà chảy đến một nơi đồng rộng cách kinh thành chừng gần một dặm ; ở đó các quan đi hộ giá đến từ trước và dân chúng đã đợi sẵn để đón vua. Đến nơi đức Vua xuống kiệu, và sau khi đã khấn nguyện và rót rượu tế trời, Ngài trèo lên cầm lấy cán một chiếc cây có vẽ màu và trở rất đẹp, cây đất vài phút và mở một lối trong cánh đồng, để dạy cho dân chúng biết rằng từ đây phải làm lung, bỏ sự an nhàn, và chăm nom đồng áng.

Đức vua cày xong rồi, thì chúa Trịnh là người quản trị nước có thế lực rất lớn và có uy quyền trên hết cả thần dân, tiến đến gần, vái Vua, mình cúi rạp xuống tận đất. Rồi các hoàng thân, các võ tướng và các quan cũng làm như vậy ; sau cùng thì đến lính và cả quần dân qui xuống mà tung hô vua.

Hàng năm về đầu xuân, đó là sự tôn - kính

sự báo ơn long trọng nhất của thần dân đối với Vua.

(Chương III trang II — 13)

ĐẤT KINH KỲ VỀ ĐẦU THẾ KỶ 17

ĐIỀU làm cho vua xứ Bắc có thể lực khiến các Vua lân cận khiếp sợ, là số dân đông vô kể ở bầy trấn dưới quyền Vua cai trị : cứ xem số người thường ở Kẻ-chợ là nơi vua lập triều đình thì đủ biết. Tuy rằng kinh kỳ giải hơn sáu nghìn hộ, ngang cũng chừng bấy nhiêu, phố xá rộng rãi, mười hay mười hai cỗ ngựa có thể ung dung đi ngang nhau được, thế mà mỗi tháng hai kỳ — vào rằm, mồng một là ngày dân nghỉ lễ — ta thấy trong tỉnh đông người qua lại khắp mọi phố đến nỗi đi ngả nào cũng thấy vương Thành thử người nào cũng bị xô đẩy, bị cản, bắt buộc mất nhiều thì giờ mà chả đi được mấy bước đường.

Do đấy và căn cứ vào vài điều phỏng đoán khác, người ta thường ước dân số Kinh kỳ được một triệu người. Không kể những điều khác, lại còn một điều này làm cho ta thấy số dân rất đông sống ở đây.

Người Bắc có tục ăn trà là thứ có lợi cho sức khỏe và có vị ngon, bao giờ họ cũng dắt theo vào thắt lưng một dỏ con hay một bao đầy trà cau ra đường gặp bạn bè thì mở ra, rồi sau khi đã chào nhau rất lễ phép, mọi người nhận lấy một miếng trà tằm sẵn của người kia mà ăn. Vì thế trong tỉnh kẻ nào hơi khá giả thì sai đầy tớ sửa sẵn thứ quà nhỏ ấy, đem biếu lẫn nhau để tỏ tình thân mật ; nhưng còn thường dân vẫn ăn trà mà không có kẻ hầu tằm sẵn ở nhà, thì đã có tới năm vạn hàng bán trà lẻ dãi dác khắp Kinh thành. Vậy có thể kết luận rằng số người mua đông không thể tính suề được.

(Chương VII — trang 25 — 27)

NHÂN DÂN VÀ THUẾ MÁ

TRỪ những người được nhà vua miễn sưu còn thì trai tráng từ mười chín đến sáu mươi tuổi đều phải đóng thuế. Chỉ có khác là dân ba tỉnh vẫn trung thành với nhà Vua và xưa không theo giặc, thì đóng một số tiền đem đổi sang tiền ta vào độ hai đồng, mỗi đồng ăn sáu mươi xu (deux escus de soixante sols pièce) ; còn dân bốn tỉnh đã bỏ vua theo giặc thì mỗi người phải đóng nhiều gấp bốn, ấy là không kể mấy thứ thuế vua đặt ra để trừng phạt sự phiến loạn của họ. Ngoài thứ thuế thân này là thứ bọn phủ-thu nhân tâm bắt nộp không trừ một ly, không phân biệt kẻ nghèo, người giàu, người có của hay kẻ chỉ làm lưng để độ

...Thu-nhật tài-liệu để giúp vào sự giải-quyết những vấn-đề quan-hệ đến cuộc sinh-hoạt của dân-tộc Việt-nam...

thần, còn một thứ thuế nữa nhẹ hơn, đánh theo thổ sản, có tính cách một tặng vật do dân tự ý đem công hiến nhà vua hơn là một thứ thuế thật, tuy rằng đến vụ thu, mỗi năm ba bốn lần, chả một ai dám tránh. Vụ thứ nhất thu vào cuối năm hay đầu năm như biếu Tết. Vụ thứ hai vào khi vua làm lễ « vạn thọ » (sinh nhật). Vụ thứ ba vào ngày húy (đỗ) tiên-vương. Vụ thứ tư vào hồi có gạo quả mới. Vì các vật cống tiến này không thu ngặt như thuế thân nên dân mỗi tỉnh, mỗi làng góp của nhau rồi cử người xứng đáng nhất thay mặt đem tiến vua.

Hầu khắp những tỉnh, những xã trong nước — nhiều không sao kể xiết được — nộp thuế thẳng cho vua hay cho người thay mặt vua đứng ra thu, nhưng cũng có nhiều nơi nộp cho các vương hầu tướng tá và binh lính hay cho những người vua xét ra đáng thưởng và đã cấp cho vài nơi để hưởng thuế lợi, hoặc là để khen tài đức họ, thưởng công họ, hoặc là để lập thái-áp lúc họ mới sinh hoặc là để cấp dụng vào chức vụ đã giao cho họ, hoặc để ban thưởng việc gì khác : theo lệ trong nước thì quyền lợi vua đã ban cho một người, con cái hay kẻ thừa kế không được hưởng nếu nhà vua không bằng lòng cho lại. Mà ngay khi người ấy còn sống, vua cũng còn quyền thu lại của đã ban cho, như thỉnh thoảng ta đã thấy ; tuy nhiên, chỉ khi nào để trừng phạt một tội lỗi gì nặng thì vua mới dùng tới cách nghiêm ngặt ấy.

(Chương VIII trang 28 — 30)

(Kỳ sau đăng tiếp)

ĐỜI NAY

Không gì làm vui lòng và giúp ích các trẻ em bằng thưởng cho các trẻ em những cuốn « SÁCH HỒNG » sinh đẹp để đọc trong những ngày nghỉ hè

Số 3	Quyển sách của Thạch Lam	0\$10
Số 4	Hai thứ khôn của Thế Lữ	0.10
Số 5	Quyển sách ước của Khải Hưng	0.10
Số 6	Hai chị em của Thiện Sĩ	0.10
Số 7	Lên cung trăng của Hoàng Đạo	0.10
Số 8	Con Cóc tía của Khải Hưng	0.10
Số 9	Cái ấm đất của Khải Hưng	0.10
Số 10	Lan và Huệ của Hoàng Đạo	0.10
Số 11	Robinson I của Thế Lữ	0.10
Số 12	Hạt ngọc của Thạch Lam	0.10
Số 13	Robinson II của Thế Lữ	0.10
Số 14	Lên chùa của Thiện Sĩ	0.10

Các trường công tư mua SÁCH HỒNG để làm phần thưởng cho học sinh trong kỳ nghỉ hè sẽ được hưởng giá đặc biệt. Xin hỏi ngay tại nhà xuất bản vì số sách chỉ có hạn.

ĐỜI NAY

80 ĐƯỜNG QUAN THÁNH — HANOI

MỘT CÁI HỌA LỚN CHO NÒI GIÔNG VIỆT-NAM

của bác sĩ ĐẶNG-HUY-LỘC

TÔI định nói về chứng lao. Giá sử, ho lao cũng như nạn chiến tranh ngày nay, sau một trận mưa bom hay một cuộc giáp chiến có hàng nghìn hàng vạn tử thi để lại, đâu tôi phải tìm lý nhẽ cho xá. Nhưng bệnh lao thường ẩn nấp ngấm ngấm mà đục khoét xã hội như một con mọt. Ta phải chịu khó vào những chỗ hẻm tối, thăm những gia đình đông đúc nghèo nàn, những nơi thợ thuyền ăn ở chen chúc, những chốn thôn quê thiếu ăn thiếu mặc, thiếu vệ sinh, họa chẳng ta mới hiểu rõ cái tai nạn của nó là chừng nào. Khi ta đã thấy cái họa đó, nếu ta tự hỏi lấy cách gì ngăn ngừa, bài trừ nó thì ta thấy rằng rất khó giải nhời ?

Ngay ở các nước tiên tiến, trong cuộc tranh đấu hăng hái với vi trùng lao, phần thắng lợi vẫn chưa về tay người. Ta xem những con số dưới đây thì đủ rõ :

Nước	Dân số	Số người chết về lao	Tiền chi phí hàng năm về công cuộc bài trừ nạn lao :
Pháp	40 triệu	70.000	87.000.000 f.
Đức	70 triệu trước cuộc chiến tranh	55.000	32.000.000 marks
Anh	40 triệu	36.000	4.500.000 livres ster.
Ý	41 triệu	60.000	315.000.000 lires
Đan Mạch	3,5 triệu	3.000	15.000.000 florins

Ở nước Anh có chừng 35 vạn người mắc chứng lao, ở Đức 20 vạn.

Ông Moine ở Pháp, coi người ta như một động lực có thể trị giá được, và theo ông tính thì nước Pháp thiệt hại mỗi năm về nạn lao mất 16.000 triệu francs, trong đó chưa kể tiền chi phí về các công cuộc bài trừ nạn lao.

Ông Denker ở Đức nói mỗi năm nước ông thiệt hại mất 5.000 triệu marks.

Còn ở nước ta ? Hiện nay chưa có một số thống kê chính thức nào cho ta biết rõ số thiệt hại về lao cả. Ta chưa đủ tài liệu để ước đoán vì những công cuộc bài trừ nạn lao hầy còn

đơn sơ quá. Ta cũng không thể dựa vào số bệnh nhân đến chữa ở nhà thương để phỏng đoán, vì hiện nay ở bên ta, số người theo phương pháp y học Âu-Tây rất ít đối với số người còn tin ở thuốc ta : vào nằm nhà thương vẫn còn bị coi là một sự bất đắc dĩ, một đôi khi vào rồi, bệnh tình quá nặng người bệnh nhất định còn đòi ra, để mang gửi nằm « xường tàn » ở nơi quê cha đất tổ.

Tuy vậy ông Gaide tính cũng đã thấy rằng ở các nhà thương Đông-Dương tất cả có 14.900 người chết về lao; ông Ballet, nguyên giám đốc viện Pasteur dự đoán mỗi năm có tới 3 vạn người chết về lao. Song hai ông đều nói rằng thật ra thì còn hơn thế nhiều, con số thực có nhẽ gấp đôi gấp ba những con số của các ông dự đoán.

Cái họa lao ở xã hội ta mỗi ngày một bành chướng chứ không giảm.

Vì dân ta là một dân ở chật chội đông đúc, và lại nghèo nàn không có một chút gì về vệ sinh giáo-dục.

1) Cái hại nhà chật chội về đông đúc : Bệnh lao là một bệnh truyền nhiễm do vi trùng Koch sinh ra. Thứ vi trùng ấy tự đờm dãi, phân mủ của người bệnh mà truyền sang người khác. Vậy mắc bệnh lao là vì lây chứ không phải vì giống, lây vì ăn chung ở lộn với người có bệnh. Bệnh lao bởi thế là một bệnh gia truyền, nghĩa là bệnh lây từ người trong nhà, chứ không phải là một bệnh di truyền như bệnh giang mai. Đối với bệnh lây ấy khoa học ngày nay chưa tìm ra được thứ thuốc đề phòng. Những phương pháp đề phòng hiện nay chỉ là tựa vào vệ sinh thường thức như ăn ở xa người ốm, ăn uống sạch sẽ đầy đủ v... v...

Trong gia đình ta, nếu 10 người mắc bệnh sự đề phòng thật là khó. Ăn uống riêng đã là một việc khó, ở riêng lại còn khó hơn, Nhiều người không hiểu biết vệ sinh ra sao, có người biết cũng không theo, lại có người thường theo nhưng không được thành thực để cho có hiệu quả.

Hưởng chi gia đình ta lại rất đông, bác sỹ Đỗ Xuân-Hợp khảo cứu về sự sinh nở của dân bà Việt-Nam đã nhận rằng : kể trung bình, 10

người đàn bà Việt-nam ngoài 35 tuổi thường đẻ năm sáu bận và một đôi vợ chồng đã ăn ở với nhau ngoài 25 năm thường có 6, 7 con. Nghĩa là một gia đình Annam tính trung bình, có tới mười người nếu kể cả đầy tớ. Số người đông ấy lại thường ở chen chúc vào một gian nhà chật hẹp, ẩm thấp. Sự dễ phòng cho khỏi lây khó khăn là chừng nào ?

2) *Cái hại về thiếu ăn* — Song cái nguyên nhân chính của sự bành trướng bệnh lao là ở dân ta nghèo quá, thường ăn không đủ sức để chống chọi lại với giống trùng lao, Toàn thể xã hội là *thiếu ăn*, từ phái giàu có cho đến kẻ bần cùng.

Phái thượng lưu và tư bản là phần ít, ăn tuy có đủ no, nhưng không đủ bổ.

Phái trung lưu và phái lao động thì thiếu ăn,

Còn phái vô sản ở thôn quê là hoàn toàn đói ăn.

Ông Etienne Brunet có chân trong vạn quốc hội đồng khảo cứu về bệnh lao nói rằng: « Một phần rất lớn nhân loại là thiếu ăn, một phần nữa thì *không biết ăn*, vì không biết lợi dụng những vật liệu của mình : cách thức nấu ăn thường là cầu thả không hợp cho sự tiêu

hóa ».

Dân tộc Việt Nam không những thiếu ăn mà còn không biết ăn, Ăn đói và thiếu bổ mà phần đông lại phải làm lụng nhiều, vì thế quanh năm suốt năm không khỏi ra vòng bệnh tật.

Ở Âu Châu, sau cuộc chiến tranh 1914 — 1918, người ta thấy bệnh lao lại dội lên vì sự ăn uống thiếu thốn ; số người chết về lao tăng lên 13% ở Anh, 30% ở Hòa Lan, 35% ở Ý, 50% ở Pháp và 70% ở Đức.

Cái ảnh hưởng của sự ăn uống đến nạn lo thật là hiển nhiên. Vì thế muốn thực hành các công cuộc bài trừ nạn lao ở xã-hội Việt Nam, trước hết là phải nâng cao sự sinh sống hàng ngày của dân nghèo và tuyên truyền cho những người giàu tập quen dùng những thực phẩm cần và bổ cho cơ thể,

Sách mới

Xin giới thiệu với độc giả cuốn : *Travail, Famille, Patrie* của Paul Munier, do nhà báo Indochine xuất bản.

GIẢI TRÍ NHỮNG NGÀY HÈ

trẻ em đọc

SÁCH HOA - XUÂN

Còn một ít cuốn :

Số 16, Lòng trẻ	0p06
Số 19, Ông bụt chùa vàng	0p06
Số 21, Hàn thực	0p06
Số 22, Cù không cười	0p06
Số 23, Đứa bé bỏ rơi	0p06
Số 25, Cái tranh	0p08
Số 27, Cổ ngày mai	0p08
Số 28, Cô bé gan dạ	0p08
Số 29, Sẹ dừa	0p08
Số 31, Baden Powell	0p08
Số 32, Yêu trẻ	0p08
Số 33, Con mèo đen	0p10

Các em mua năm báo THANH - NGHỊ TRẺ EM được trừ 10%/. Xin đem giấy của nhà báo đến :

SÁCH HOA - XUÂN
14. RUE BLOCKHAUS NORD — HANOI

ĐỪNG TRƯỚC

MỘT CÁI TRAI LỬA

truyện ngắn của Nguyễn Tuân

gửi cho một đứa con

CÁI đêm thức vừa rồi sao mệt đến thế. Ấy là cái đêm trắng không có nhựa độc pha thêm nữa vào mà còn thế đấy. Nếu có nha phiến thấm tràn vào người như những năm trước thì phải biết!— có mà giặc đã ập ngay đến lúc này mới dựng nổi được Nguyễn dậy. Nguyễn bẻ tay kêu lác rặc.

A, cái thằng Xuân lại đang ôn lại những bản nhạc cổ điển, nắn nót nhún nhẩy mãi mười đầu ngón tay trên lũ phím ngà chiếc dương cầm lù lù chiếm mất hẳn một góc phòng. Sao hôm nay người bạn đàn hay và du dương đến thế. Xuân — cái người bạn tốt đã vui vẻ đánh chó và mở cửa cho Nguyễn vào ngủ nhờ một đêm—thấy Nguyễn cựa mình, tay vẫn nhún phím đàn, ngoài đầu lại, nói chớ vào tấm màn trắng rung rinh :

— Còn sớm, ngủ lại đi. Đề tôi tìm một bài gì ngộ ngộ đàn cho anh ngủ thêm nhá. Bài « Bữa cỗ của con nhện ». Anh thử nghe kỹ xem cái đoạn giữa bản đàn có toàn là những tiếng ruồi tiếng muỗi rung vẫy cánh chực phá bung cái lưới tơ nhện dăng không nhá ?

Mặc kệ bạn đánh bài đàn « Bữa cỗ của con nhện », Nguyễn thăm lặng đuổi theo những ý nghĩ mình đây những tiếc thương và rẻ dúng. Chao ôi ! đêm qua Nguyễn lại đi chơi. Đến lúc này mà vẫn còn trong mồm chàng, trên da lưỡi chàng, nơi đáy họng chàng cái mùi vị chát xít và ma túy của mấy bình rượu. Cái tay sờ-mi đưa lên mũi, có mùi thơm của chất dầu bôi tóc đàn bà. Và ở đấy vẫn còn đọng lại chút hương phấn của một thứ phấn dầm rẻ tiền. Lại còn cái gì mà đỏ lem nhem thế này nữa ? Trời ! những vết sấp môi.

Đêm qua, lúc gần về sáng, Nguyễn mò về nhà Xuân, xin ngủ. Cái giường vẫn thừa chỗ cho hai người nằm. Tại sao Xuân lại không cùng nằm chung với chàng ? « —Tôi ngủ đấy giấc rồi. Cho anh nằm một mình cho sướng. Tôi dậy làm việc đây. Mấy giờ thì đánh thức ? »

Xuân. Có lẽ người bạn tốt của chàng đã ghé tởm chàng. Nguyễn đã tha lè về đây bao nhiêu là dư vị dư hương chẳng thơm tho gì của một đêm chơi nhảm. Xuân có quyền coi thường chàng. « Và tính của Xuân kín đáo, nó đã giả vờ đây làm việc để khỏi phải ngủ cạnh mình. Tính Xuân nó sạch sẽ và lòng nó trong sạch, chốc nữa mình đi rồi, chắc chớ vải gối vải giường vải bọc chăn này, nó sẽ cho đưa ra thợ giặt hết ». Nguyễn lại đưa hai cánh tay sờ-mi nhàu lên mà ngủ. Chàng thấy mình đang chán mình, Nguyễn càng thấy chán hơn nữa : cách cái tâm cảnh rời rạc của chàng có một thước, người ta đang làm việc rất vui vẻ và lương thiện. Xuân nó đang đánh đàn, Xuân nó đang tìm tòi một cái gì trong cõi thanh âm huyền bí. Bên một cổ đàn bóng nhoáng, Xuân nó đang cựa cù phụng sự cái lý tưởng của nó. Đẹp vậy thay ! là âm nhạc. Đẹp vậy thay là anh bạn Xuân đang khảo phim cổ đàn !

— Thế nào ? Anh lại mặc quần áo đi đâu ? Chưa đến còi mười giờ mà !

— Ra thư viện và tạt qua nhà in một lát.

— Có cần viết gì, sẵn cả giấy bút ở bàn ấy. Người anh trông mệt lắm, đi làm quái gì. Ở đây, rồi đến trưa đợi tôi đi dạy mấy bài đàn xong, về, rồi cùng đi ăn cơm. Có buồng tắm đấy. Quần áo tây và sờ-mi tôi, anh mặc vừa, có cần thay thì cứ lấy mà thay. Ừ, hôm nay vừa kỳ thợ giặt nó tới lấy quần áo, đồ cũ của anh, cứ vút vào bồ ki... nó giặt luôn thế. Sao ? Độ này anh có viết lách được quyền gì mà tự mình lấy làm bằng lòng không ? Lâu không thấy họ in đến tên anh.

Nguyễn dở một cuốn tự vị, lơ đãng nhìn mấy hình vẽ, thở dài, lắc đầu. Chàng đã bỏ một bàn tay ngón mềm nhũn lạnh toát mồ hôi vào cái lồng bàn tay ấm áp dẫn giải của Xuân. Xuân tiễn chàng ra cửa, nhìn theo người bạn bơ phờ đang lờ một bước chân, lúc ngang qua đường phố, loạng quạng sượt đi

Bác tùy phái nhà in đưa cho Nguyễn một bức thư.

— Thưa ông, thư này tới đã một tuần lễ. Không biết chỗ ở nhất định của ông, nên đành phải giữ lại đây.

Nguyễn bóc thư — một bức gia thư.

« Thưa ba,

« Con vừa được lên đoàn trên. Đúng ngày kia con làm lễ tuyên thệ. Anh đoàn trưởng có viết giấy lại đảng nhà mời ba và mẹ đi dự lễ tuyên thệ của con. Mẹ con bảo con viết thư ra mời ba về. Có ba cùng đi thì mẹ con mới đi. Vậy thế nào ba cũng về.

« Các em đều ngoan cả. Em Thi vẫn đi học. Còn em Thu thì kỳ vừa rồi, cô giáo bắt phạt vì đi học đến trường chậm luôn và hay khóc.

« Cái mũ mới mua không dùng được nữa. Cái mũ nời chỉ dùng được khi con còn đi họp đoàn Sói Con thôi. Bây giờ, con là thiếu sinh đoàn Hướng Đạo. Phải đội mũ khác. Bằng vải vàng mây, có vành rộng. Cái thừ mà chòm mũ bóp thành quả nùm có bốn mũi ấy ba ạ. Ba mua mũ nhớ đầu con số 48.

Ký tên : Con

« T. B. — Hôm qua, em Vinh đánh đổ cả chai mực tím vào áo lụa. Mẹ con đánh cho đến mấy cái phất trần. Rồi cả em Vinh và mẹ con cùng khóc. Mẹ con bảo ba đi vắng mãi thì các em con đến hư hết thôi. À, cái con sáo đá bay mất rồi ba ạ. Thế là từ giờ, thành ra không còn cái gì đem ra mà tắm nữa, ba ơi. Lại còn mấy con lợn đất đựng tiền của chúng con, mẹ con hôm vừa rồi cũng đập ra hết lấy cái mua sữa cho em bé. Ông nội đi Huế đã gần một tháng chưa về. Nhà vắng, bà hay gắt và mắng chúng con là đi ra Hà-Nội với thằng bố mày. Mỗi lần bà nội gắt là mẹ con lại kêu rức dầu, bỏ ăn đi vào buồng nằm. Thành ra các em con đùa nghịch bên mâm cơm, đánh nhau chi chóc, đồ canh, đồ nước mắm ra giường. Con thường bị bà nội mắng lầy.»

Nguyễn dạo qua các phố, dính mũi vào nhiều miếng kính tử hiệu bán mũ. Chàng ngắm mãi cái mũ hàng đạo vừa chọn xong. Tuy là vải vàng mây, vải mà đẹp khéo vô cùng. Sẵn tấm gương của nhà hàng, Nguyễn đặt mũ lên đầu. Phiến gương trả lại cho chàng thấy một cái mũ rất bé đặt chênh vênh trên một cái đầu to quá. Đầu mình và mũ trẻ làm bạn với nhau một cách không xứng đáng đã gọi cho Nguyễn thấy hình ảnh bộ mặt một thằng hề xiếc hay đội và ăn mặc lố lăng để trò cười cho thiên hạ. Tay vẫn nghênh ngang cầm chiếc mũ vải vàng đi giữa phố,

Nguyễn bắt gặp dăm ông bạn phùng trường tác hi.

— Mày làm cái điệu gì mà vênh vung giữa phố với cái mũ kia thế? Định đội à? Mày mà đội mũ thì trời xập đổ. Mấy năm nay, có ai thấy mày mũ măng gì đâu.

Trái với cái tính chàng mọi ngày hễ gặp những bạn đi chơi là khôi hài ngay, Nguyễn nhìn họ rất lâu, rồi trả lời, mặt mõi :

— Tôi mua về cho thằng con vừa được lên đoàn Hướng Đạo.

— Nói đùa hay thực?... Khốn nạn, nào ai biết được ông là bố trẻ con. Trông cái mặt nghịch ngợm của ông và được rõ cái lối sống bạt mạng của ông, ai ngờ ông có tiểu gia đình. Với lại ông có khai ra bao giờ. Nhưng hãy gác chuyện đứa con ông lại. Nhân gặp ông đây, chúng tôi vui vẻ báo cho ông một cái tin buồn này : là chiều nay, chúng tôi kéo nhau ra ngoài ô đánh chén. Một con dê. Mà chỉ có ba người ăn. Có ông nhập vào nữa thì tròn cổ. Ăn xong, lại rủ nhau sang nhà con Tuyết-Già. Ông nghĩ sao?

Chẳng cần nghĩ sao cả, Nguyễn không nhận nhời và không kênh càng chuyện gẫu thêm như mọi lần, chàng rảo bước đi thẳng. Lũ bạn ngạc nhiên nhìn theo Nguyễn đang lom khom ở quăng cây cột đèn trên, cúi xuống rãnh nhặt một cái gì cho một đứa trẻ hàng phố vừa chỉ tay vu vơ vừa sụt sịt khóc.

Tối hôm ấy, Nguyễn đã về đến nhà, sau bốn giờ tàu tốc hành. Chàng đánh thức ngay thằng Tuyên đang ngủ say. Lồm ngồm trở dậy, thấy đèn sáng trưng, thằng bé Tuyên hấp hay dụi mắt. Nguyễn đội ngay lên đầu trẻ cái mũ ca-ki si-cút xoay đi xoay lại mấy vòng. Mũ vừa đầu con, Nguyễn cười. Trẻ Tuyên cũng cười, lộ hai hàm răng không đều và chưa đủ. Thế rồi nó lại lăn ền ra ngủ. Nguyễn thấy đứa con ngủ ngon lành như vậy, chàng lại nhớ đến những giấc ngủ đứng ngủ ngồi của mình vào những đêm nê bạn cứ phải căng mãi mắt và rộng miệng cả hơi làm vui cho bạn ngả ngốn bên một đồng hoa tàn. Lại nhìn thêm đến lũ con nhỏ khác ngủ rải rác ở mấy bộ giường, Nguyễn không muốn đánh thức chúng dậy vì, chót cầu thả trong việc về thăm nhà, chàng đã chẳng mua được tí quà bánh và đồ chơi cho trẻ, giờ lại đi khua chúng dậy, bố con nhìn nhau, lại có điều tủi hờn thêm chẵng. Nguyễn chỉ vội thực hành ngay một cái ý vui vừa chớm qua đầu óc. Rón rén, chàng lật tà áo cánh mỗi trẻ lên, buộc một đồng kền năm vào đầu giải rút mỗi

chiếc quần hồng đit. Rồi trở ra bên mâm cơm bất thường vợ chàng vừa bung lên, Nguyễn đã xoa tay với sự bằng lòng của một ông cụ Noel sau một đêm phát chẩn lễ Phục Sinh. Cơm có rượu, chàng lại uống, vừa uống vừa nghĩ ngợi. Quái, cũng là một thứ rượu ấy — chàng đã nâng mãi cái chai rượu nguyên nút còn dấu si vừa mở, có dán nhãn hiệu rất quen thuộc kia lên, đọc đi đọc lại tên rượu — mà hôm nay chàng nhấp thấy ngọt dịu chứ không cay gắt và đắng như mọi lần uống với đám anh em tũn đờ ở « ngoài ấy ». Ngất ngưỡng một mình trên cả một cái gác, đêm đó, Nguyễn lại muốn làm thơ. Đề ca tụng đến cái hương thơm dịu đượm mùi xúc cảm bốc lên khỏi những chén rượu của một « cuộc trùng lai của đứa con hoang toàng » !



Từ buổi ấy mang mũ về cho thằng con đứng đầu lũ con đàn, Nguyễn lần nữa ngày một ngày hai, không chịu trở vội lại Hà-Nội và mặc kệ bao nhiêu « những thằng những con Hà-Nội ». chàng không trả lời một lá thư nào cả. Có lúc nhận những cái bì thư hoa mỹ này, chàng đã muốn xếp xó lại đây không đọc, giống như cái lối chán chường của một người nợ nhiều quá, lúc nhận những bì thư đảm bảo có in tên cửa hiệu những nhà hàng chủ nợ thúc những món tiền còn đọng lại nơi sổ sách. Mỗi buổi ăn cơm được luôn luôn đổi bữa bằng những món tầm thường như cá kho tương, điều cua, cà bung, tay bí sào, nộm khoai, thịt thườn, Nguyễn cảm thấy cái sinh thú cảm dỗ của cuộc sống có gia đình. Bây giờ chàng mới thấy cơm cao lâu là nặng và rượu nơi nhà hát là cay. Mỗi buổi ăn điếm vài chén rượu — vài chén thôi — cho ngon miệng lúc và cơm, mỗi lúc mâm cơm bung đi rồi, vợ chàng quét giường giải chiếu khác, Nguyễn nằm đùa với lũ con đàn. Nguyễn ít ở nhà, lũ con nhỏ không lấy gì làm quen mấy, chưa dám đùa ngay. Chúng rạt cả vào phía tường, trở mắt nhìn, có đứa sợ quá lại òa lên khóc, mặc dầu có mẹ chúng cũng ngồi đây. Nguyễn hơi cáu với trẻ. Vợ chàng lại một phen phải đứng ra nói nhiều câu đến là buồn cười để hòa giải cái việc hiểu lầm giữa người chồng đùa nhả, đùa vụng và lũ trẻ đàn đang sợ người lạ. Một hôm, hai hôm... Dần dần bọn trẻ cũng hiểu được cái người hay đùa với chúng kia là ai rồi, chúng không sợ nữa, nhưng những cuộc đùa nghịch trên giường kia, trông nó vẫn đờn đoảng thế nào ấy. Ở

mọi nhà, bố con họ đùa với nhau, trông nó vui và dịu dàng dịp dàng hơn kia. Vợ Nguyễn, đứng quạt màn trong buồng nhìn ra, lấy làm ái ngại cho một người bố trẻ con vì lỗi đạo đã lâu ngày rồi nên dẫu mấy bữa nay tập tành riết mà vẫn chưa đùa được với đàn trẻ cho nên hờn. Nguyễn vẫn biết mình chưa lấy được tin nhiệm của đàn con, chưa quen những thói tục, chưa hiểu tâm hồn trẻ cho thấu đáo. Có nhiều buổi, Nguyễn ngồi cặm cụi tước lá chuối làm mần cho trẻ này chưa xong thì lại đi ngắt hoa hồng, bứt cánh đỏ tươi cho trẻ khác thái ra làm cốm. Đến như trẻ con mà chơi thì nhiều cái kỳ cục thực. Chúng lấy một cái buồng cau tươi đã bị cắt hết quả, chúng cười một bộ xương cau xanh giả làm cười trâu cười ngựa nhong nhong ếp âm ỹ vui vẻ như thể được luôn mấy ngày liền thì kè cũng thú thực. Nguyễn ngồi rình lũ con nô đùa và cố hiểu những ngón chơi của chúng. Cái thế giới nhi đồng ấy có nhiều bí ẩn bắt Nguyễn phải nhận chân đến một thứ nghệ thuật làm cha con trẻ. Hiện bây giờ chàng chỉ là đang tập làm bố, chầu đời tài đức mình để đi tới cái thuật đó.



Chờ mãi, mãi tối nay thằng Tuyền mới đi họp bạn si-cút và đốt lửa trại thì trời lại phản phẫn mưa. Nguyễn đưa vợ con ra bãi cắm trại, chen lẫn với đám cha mẹ kia cũng đang đi xem con cái mình diễu qua trước một ngọn lửa va chút nữa sẽ làm trò. Đứng trên bãi cỏ ướt dầm, vợ Nguyễn chỉ cái đồng củi tạ cháy đỏ ngòm và nói chuyện với chồng rằng « trông y như là ngày tết nấu bánh chưng ấy. » Lũ con nhỏ thì say mê với những cái tàn lửa nổ bật lên nền trời mưa và nghĩ đến những cái pháo hoa cải được đốt hồi đầu năm chơi đêm tết. Chúng thì thảo :

— Mãi mà chưa thấy anh Tuyền ra đóng trò vua Lê Lợi nhỉ ?

Hạt mưa mau vẫn sèo sèo trên ngọn lửa xanh lè đang vật nằm xuống mặt cỏ bãi lóng lánh những cái bóng ngời áo cụt, đầu mũ tay gậy, linh động như ong quân một chiếc đèn kéo quân sống và to tát. Rải rác trên bãi, nhiều lều le lói ngọn đèn soi vào cái bóng một trắng sinh cầm gậy đứng gác bên lều như một người lính canh thành.

Nguyễn nhìn ngọn lửa cháy vù vù. Cùng với tiếng lửa reo, trong lòng Nguyễn có cái gì mới lạ muốn trào ra vì cảm xúc. Nguyễn muốn đem đánh đổi được nửa đời tội lỗi của mình lấy một đêm đốt lửa thiêng của cái nhân loại

TỰ mấy năm nay, vì Á-Châu và Âu-Châu có chiến tranh, nền kinh tế các nước đều bị ảnh hưởng. Giá nhà đất bỗng cao vọt; chủ nhà được dịp tăng giá một cách quá đáng; nên các nhà đương chức phải thay đổi luật thuê nhà để bênh vực các người ở thuê.

Những đạo sắc lệnh nói trong bài này, hoặc làm riêng cho Đông-Pháp, hoặc làm cho Pháp-quốc rồi thì hành cho tất cả các thuộc-địa, đều là hưởng ứng theo cái lý tưởng đó.

Nhưng muốn hiểu mấy đạo sắc lệnh ấy, cần phải nói qua đến các điều đại cương của Luật thuê nhà trong phần thứ nhất. Phần thứ hai sẽ nói về hai đạo sắc-lệnh ngày 5-11-1939 và 20-3-1940, gia hạn cho các người ở thuê được giữ nhà thêm ba năm. Nhưng cái quyền lợi ấy, các nhà buôn không được hưởng; điều ấy sẽ nói ở phần thứ ba. Phần thứ tư sẽ nói về lợi-quyền các người ở thuê bị gọi ra lính (sắc lệnh ngày 5-11-1939) (1).

Phần thứ nhất: Các điều đại cương về luật thuê nhà.

Muốn tìm các điều đại cương ấy, phải xem Bộ Dân-Luật Pháp (code civil français) từ điều 1714 đến 1762, hoặc bộ Bắc-kỳ dân luật (Code civil Tonkinois) từ điều 991 đến 1035. Nên nói qua là Dân luật Pháp thì hành với các người có dân Pháp hoặc ngoại quốc; và với các người bản xứ trong khi giao dịch với người Pháp và người ngoại quốc. Bắc kỳ dân luật thì hành với các người bản xứ thuộc dân Nam, tức là ở các tỉnh và thuộc quyền tòa Nam-Án xét xử. Về phần các người bản xứ ở nhượng-địa, luật của họ tức là sắc lệnh 3-10-1883 không nói đến thuê nhà nên tòa thường cho thì hành bộ Bắc kỳ dân luật để bổ khuyết vào chỗ đó.

Nhưng hai bộ luật kể trên không có gì khác nhau; vì phần nhiều Bộ Bắc kỳ dân luật là do Dân luật Pháp chép ra.

Vậy theo bộ luật nào cũng thế, thuê nhà tức là một giao kèo (contrat) giữa chủ nhà và người ở thuê. Ta thường phân biệt « thuê có contrat » và « không có contrat ». Nhưng thế là nhầm. Cho thuê tức là làm contrat rồi: một bên hẹn để nhà cho bên kia ở; một bên nhận giá tiền thuê và trông nom nhà cửa cẩn thận. Giao kèo ấy có thể làm giấy hay chỉ do lời nói mà thành. Hai bên có thể cho thuê tháng, hoặc cho dài hạn hơn.

Nếu thuê tháng, thì chủ nhà muốn lấy nhà lại, người ở thuê muốn dọn đi, phải báo trước để bên kia biết. Thời hạn báo trước, tùy theo thường lệ các nơi. Lệ ở Hà-nội phải báo trước một tháng nếu là nhà thuê để ở, ba tháng nếu là nhà thuê để dọn hàng.

Nếu thuê dài hạn thì cả hai bên đều phải đợi hết hạn mới lấy lại nhà hay dọn đi. Một bên không tuân giao kèo, thì bên kia có quyền kiện đòi bồi thường.

Trong khi nhà cho thuê, tiền nhà phải trả sòng sọc: theo lệ ở Hà-nội và ở các thành phố to

LUẬT THUÊ NHÀ SAU MẤY ĐẠO SẮC LỆNH MỚI

thì tiền trả từng tháng và đầu tháng phải trả. Nhưng chủ nhà phải cho người đến lấy, hoặc tự mình đến lấy tiền nhà, nếu người ở thuê trả, chủ nhà có thể xin tòa đuổi (expulsion), hoặc tịch ký đồ đạc (saisie-gagerie), bán lấy liền rồi đuổi đi.

Trái lại, người ở thuê được tự do hưởng chỗ mình thuê, chủ nhà không thể xâm phạm đến được. Chữa to (grosses réparations), chẳng hạn chữa trần, mái, tường v.v. thì chủ nhà phải chữa; còn chữa nhỏ như quét chân tường, thay kính về phần người ở thuê.

Tóm tắt, trên căn cứ pháp luật, một bên là chỗ ở, một bên là tiền thuê nhà và nếu không có giao ước một hạn nhất định thì lúc nào một bên cũng có thể rút phần của mình ra được.

Xong gặp trường hợp chiến tranh, cái căn cứ đó không thể thăng bằng được nữa. Giá nhà đất cao thì tiền thuê tất chủ nhà muốn tăng và muốn đạt ý nguyện tất phải dọa đuổi người thuê nhà đi. Riêng ở Đông pháp, và nhất là ở Bắc-kỳ, về mấy năm 1938, 1939 có nhiều người Trung Hoa lánh nạn nên giá nhà lại càng cao. Ai cũng muốn đuổi người cũ đi để cho «Tàu» thuê. Thành thử có một số người bị đuổi không có nhà mà ở nữa. Hai Đạo sắc lệnh ngày 5-11-1939 và 20-3-1940 ra đời cốt để chữa lại tình thế ấy.

Phần thứ hai: Hai đạo sắc lệnh ngày 5-11-1939 và 20-3-1940 nói về các nhà thuê để ở.

Sắc lệnh 5-11-1939 có bốn mục:

a) Mục thứ nhất hạn chế sự tăng tiền nhà. Nhà làm trước ngày 1-1-1930, chỉ được tăng 13 phần trăm đối với giá thuê ngày ấy của các nhà tương tự.

Nếu tăng quá giới hạn thì phải rút đi và còn phải phạt nữa.

1) Sắc lệnh ngày 5-11-1939 do nghị-định Toàn quyền ngày 30-11-1939 ban bố; xem Đông-Pháp quan báo năm 1939, từ trang 3543 đến 3545.

Sắc lệnh ngày 20-3-1940 thay đổi điều thứ mười sắc lệnh ngày 5-11-1939 kể trên, do nghị định Toàn-quyền ngày 4-4-1940 ban bố; xem Đông-Pháp quan báo năm 1940 trang 1101.

Sắc lệnh ngày 26-12-1939 cho thì hành tại các lĩnh thổ dưới quyền Bộ Thuộc-Địa, trừ các đảo Guadeloupe, La Martinique và Réunion, sắc lệnh ngày 1-7-1939 và do nghị định Toàn quyền ngày 13-4-40 ban bố. Xem Đông-Pháp quan báo năm 1940 trang 143,

có quyền tăng trong giới hạn 13% hoặc 18%.

Vì có nhiều người, nhất là nhà binh kèn, nên bên Pháp ra đạo sắc lệnh bổ khuyết ngày 20-3-1940. Theo đạo sắc lệnh mới ấy, thì người thuê có quyền ở thêm ba năm theo giá cũ.

Phần thứ ba. Sở phận các nhà buôn.

Cứ đọc tên hiệu Đạo sắc lệnh 5-11-1939 « Sắc lệnh nói về giá tiền các nhà thuê để ở » (Decret reglementant les loyers des locaux d'habitation) cũng đủ biết không thi-hành với các cửa hàng.

Xong chủ nhà có nề riêng gì các người thuê nhà để dọn hàng. Họ cứ thẳng tay tăng và không tăng được thì đuổi. Một người buôn bán ở một phố to Hà-nội có nói với tôi rằng hiện nay hầu hết các chủ nhà phố ấy đưa thơ đâm bảo đuổi các người thuê. Mà cửa hàng có phải mỗi lúc dọn được đâu. Vì thế, có khi tăng 100% mà người thuê phải cắn răng chịu.

Muốn cứu vãn tình cảnh ấy cho khách hàng, mấy nhà luật sư Hà-nội có bày một thuyết như sau này: Thường ở xứ này, người buôn bán nhà dọn cửa hàng trước nhà, còn trên gác hoặc trong nhà để ở. Vậy có thể nói là thuê để ở được. Nhưng tòa Thượng Thẩm bác cái thuyết ấy, nói là sắc lệnh 5-11-1939 để riêng cho các người thuê để ở; nếu thuê vừa để ở, vừa làm cửa hàng, thì không được hưởng quyền-lợi ấy.

Nói về lý luật, thì lập án kể trên không trách được, vì sắc lệnh 5-11-1939 quá rõ. Nhưng về phần thực tế, thì lập án đó làm thiệt thòi cho nhà buôn quá. Gặp thời buổi khó khăn, hàng bán không có, lại phải chủ nhà làm le đuổi, tình cảnh ấy thật không có gì là lạc quan!

Còn một thuyết, chưa đưa ra tới Tòa, nhưng cũng có lý, là người thuê nhà bị đuổi đừng kiện chủ nhà đòi bồi thường về việc chủ nhà lạm quyền đuổi mình.

Lạm quyền (abus du droit) là một lý thuyết các nhà luật học và các tòa án không lạ gì. Một cái lý dụ nhỏ: cách đây mấy tháng, một người chủ khách sạn đưa giấy đâm bảo bắt khách trọ phải đi, khách trọ ra khỏi, kiện chủ khách sạn lạm quyền, được Tòa Hòa giải Hà-nội (Justice de Paix) cho 50\$ bồi thường.

Trong trường hợp các người thuê nhà để buôn, nhất là thuê đã lâu năm, có thể vin vào luật lệ bên Pháp; vì ở bên ấy nếu cửa hàng thuê đã lâu năm người thuê có quyền ở mãi, nếu chủ nhà đuổi thì phải bồi thường (indemnité d'éviction). Các nhà luật học đã dùng một cách quá đáng, nhưng rõ nghĩa là « quyền sở hữu của nhà buôn » (propriété commerciale) để nói về quyền lợi của người thuê nhà để buôn bán.

Nhưng tốt hơn hết, là yêu cầu chính Phủ Pháp ra một sắc lệnh bênh vực các nhà buôn. Muốn thế cũng không khó gì. Chỉ cần các đại biểu cùng các đoàn thể thương mại yêu cầu Toàn-quyền chuyển đề nghị cho.

Phần thứ tư. Phần này nói riêng về quyền lợi các người thuê nhà bị gọi ra lính.

(Xem tiếp trang 19)

Việc hạn chế kể trên thi-hành tới ngày 1-1-1942 thì thôi.

b) Mục thứ hai nói về cách thức (procédure) cho các người ở thuê khiếu, nếu chủ nhà tăng quá giới hạn.

Người ở thuê chỉ phải viết thơ đảm bảo cho ông chánh tòa Án Hộ, hoặc ra khai ở phòng Lục-Sự, không phải theo thể thức kiện cáo thường.

c) Mục thứ ba nói về quyền người thuê được ở thêm.

Những người thuê nhà, hoặc thuê lại nhà, hoặc được một người thuê nhà nhượng giao-kèo cho, hiện đang ở tại chỗ thuê, sẽ có quyền ở thêm ba năm, bắt đầu từ ngày sắc lệnh ban bố (tức là ngày 30-11-1939).

Quyền lợi ấy, những người sau này không được hưởng:

1) Những người thuê nhiều nhà, chỉ được hưởng quyền lợi về một cái thôi, trừ khi ngoài nhà mình ở, vì chức nghiệp bắt buộc thuê thêm một cái nữa, hoặc thuê cho bố mẹ, con cái, vợ chồng ở.

2) Những nô-bộc ở trong nhà chủ, hay chủ cho ở nhà riêng.

3) Những người thuê lại nhà trong khi người thuê nhà đi vắng.

4) Những người ngoại-quốc chưa từng đi lính cho nước Pháp và không có con vào dân Pháp: chẳng hạn mấy người tây đen thuộc dân Anh (sujets anglais).

d) Mục thứ tư nói về quyền chủ nhà lấy lại nhà trong hai trường hợp đặc biệt:

1) để ở hoặc cho bố mẹ vợ con ở.

2) để làm lại, xây cao lên, hoặc chữa chạy quan trọng.

Muốn thế, phải báo trước sáu tháng, trong giấy nói rõ lấy lại nhà để làm gì.

Quyền lợi kể trên, các người ngoại quốc chưa từng đi lính cho Pháp và không có con vào dân Pháp không được hưởng.

Nếu chủ nhà lạm quyền, nghĩa là lấy lại để cho thuê, sẽ bị bồi thường ít nhất là một năm tiền nhà.

Đọc các điều kể trên, có thể nhận ngay được hai điều khuyết điểm:

1) Sắc lệnh làm riêng cho các nhà thuê để ở; vậy các nhà buôn sẽ không được hưởng. Đó là một vấn đề quan trọng đề phần sau bàn đến.

2) Về điều gia hạn cho các người thuê nhà ở thêm ba năm, sắc lệnh không nói rõ trong ba năm ấy chủ nhà không có quyền tăng tiền nhà, hoặc vẫn

KINH-TẾ ĐÔNG-DƯƠNG TỪ HỒI CỐ CHIẾN-TRANH

của DUY-TÂM

CÙNG như ở các nước tham-dự trực-tiếp hay gián-tiếp vào cuộc Âu-chiến bây giờ (trừ nước Anh), tại Đông-Dương từ đầu tháng chín năm 1939, chính-phủ không công-bố những biểu-thống-kê-kinh-tế nữa. Vậy bài này chỉ nói đến những qui-lệ nhà nước đã đặt ra để kiểm-soát nền kinh-tế xứ này và hướng-dẫn nền kinh-tế ấy, theo một phương-châm đã định.

Kiểm-soát hối-đoái và buôn vàng

(*Contrôle des changes et commerce de l'or*)

Ngay khi bắt đầu chiến-tranh, một đạo sắc-lệnh ngày 9 tháng chín 1939 đã đặt ra sự kiểm-soát hối-đoái và hạn-chế buôn bán vàng ở Đông-Dương.

Theo qui-lệ mới, tư-nhân không được gửi hay mang tư-bản ra nước ngoài (tiền, giấy bạc, cổ phần hay công-phiếu có giá-trị thay cho tiền). Trong vài trường-hợp đặc-biệt, muốn đưa tiền ra khỏi xứ thì phải xin phép Ty-Hối-Đoái (*Office des changes*) là một cơ-quan do nhà nước trông-nom. Mỗi người ở Đông-Dương đi ra nước ngoài chỉ được mang theo 25.000 quan (2500 bạc) là cùng, rồi mỗi tháng chỉ có thể nhận thêm được nhiều nhất là 10.000 hay 20.000 quan tùy nơi mình ở. Ty-Hối-Đoái lại có thể bằng-cứ vào địa-vị xã-hội của người xin mà chỉ cho phép đem theo ít hơn thế.

Kiểm soát hối-đoái mục-dích không phải chỉ để giữ tiền ở trong nước, mà còn để ngăn-ngừa sự đầu-cơ và giữ cho giá hàng khỏi lên xuống bất thường. Vì thế sự nhập-cảng tiền vào Đông-Dương cũng do Ty-Hối-Đoái kiểm soát rất ngặt. Người ngoại-quốc đến xứ ta phải ký tất cả của cải tại phòng Quan-thuế (*douane*) đợi khi ra thì lấy lại, còn tiền mang theo vào trong xứ thì mỗi người không được quá 10.000 quan (1000 bạc).

Tất-nhiên sự buôn-ván tiền-tệ và sự buôn bán vàng với ngoại-quốc cũng không được tự-do nữa.

Ở trong cõi Đông-Dương, muốn buôn vàng phải có quan-thủ-hiến các xứ cho phép, người buôn phải biên-chép-rành-mạch số vàng mua vào bán ra, và khi cần đến nhà nước có thể bắt-buộc họ phải để-lại số vàng còn trữ trong cửa hàng của họ. Muốn cho sự kiểm-soát hối-đoái có hiệu-quả hơn, nghị-định 1er tháng bảy 1940 bắt các nhà xuất-cảng khai-số-liên-hàng bán được ở ngoài và ký-giấy nhận bán lại cho Ty hối-đoái số tiền ấy để lấy bạc Đông-Dương. Trái lại, ai mua hàng ngoại-quốc, giấy-phép nhập-cảng, còn cần phải có giấy

phép «hối-đoái» thì mới gửi được tiền ra ngoài để giả người bán.

Kiểm-soát buôn bán với nước ngoài

(*Contrôle du commerce extérieur*)

Cùng với sự giao-dịch về tiền-tệ, ngay từ đầu tháng 9 năm 1939, sự buôn bán với ngoài đã phải hạn-chế: nhiều hóa-phẩm cần dùng cho công- cuộc phòng-thủ và sự sống hàng ngày của dân bị cấm-hản không được chở ra khỏi xứ. Còn đối với những hóa-phẩm khác, thì chính-phủ chỉ kiểm soát mà thôi.

Riêng về ba thứ sản-vật ta thường bán ra ngoài nhiều nhất, là gạo, ngô và cao-xu, sự kiểm-soát rất nghiêm- ngặt. Nghị-định 5 tháng 10 năm 1940 dành riêng sự xuất-cảng gạo ngô cho những người đã làm nghề ấy trước hồi chiến-tranh và đã được nhà nước công-nhận-liệt-vào-bản-kê những nhà thường-xuất-cảng ngũ-cốc (*liste des exportateurs habituels de céréales*). Từ 8 tháng hai 1941, nhà nước còn lập ra ở Saigon, — Chợ-lớn (là nơi xuất-cảng gần hết số gạo ta bán ra ngoài) một «hội-đồng điều-khiển mua và xuất-cảng gạo» hội-đồng ấy mua gạo cho chính-phủ, phân-phát những giấy-phép xuất-cảng, kiểm-soát sự buôn bán gạo trên thị trường Saigon — Cholon và có quyền bắt-buộc nhà buôn chỉ được chở gạo đến bán ở những nước và bán theo giá mà hội-đồng ấy đã định. Từ 17 tháng năm 1941, sự buôn ngô ra ngoài tại Nam-kỳ cũng theo quy-lệ ấy. Còn như cao-su, thì nghị-định ngày 10 tháng hai 1941 đã đặt ra một «sở-buôn» do nhà nước trông-coi: tất cả đồn-điền cao-su đều phải đưa sản-vật của mình đến ký ở sở ấy; bán ở đâu, theo giá nào, đều do sở ấy quyết-định, người sản-xuất chỉ đợi cho bán xong rồi lĩnh tiền mà thôi.

Từ đầu năm 1941, sự nhập-cảng ngoại-hóa bị hạn-chế hơn nữa: những người thường mua hàng ở ngoài đều phải tùy theo thứ hàng mình buôn mà xin ghi tên vào một ban trong mười ban do nghị-định 2 tháng hai 1941 lập ra. Các ban đó hợp lại thành «Liên-đoàn nhập-cảng Đông-Dương» (*Fédération des importateurs de l'Indochine*) dưới quyền-quản-trị của một hội-đồng do nhà nước cử. Chỉ có những hội-viên một ban của liên-đoàn mới được phép nhập-cảng và mỗi khi chính-phủ cho phép mua ở ngoài một số hàng gì thì liên-đoàn đem số ấy mà chia cho các hội-viên trong ban

buôn thứ hàng đó, nhiều ít tùy số hàng từng người đã mua ở ngoài mấy năm về trước.

Kiểm-soát giá hàng và sản-xuất

(Contrôle des prix et de la production)

Mục đích sự kiểm-soát thị-trường trong xứ là giữ cho giá hàng khỏi tăng. Muốn đạt tới điều đó, nghị-định 14 tháng 10 năm 1940 đặt mỗi vùng một hội-đồng định giá và trừng phạt nặng nạn đầu cơ. Kể nào tích-trữ hàng hóa trái phép hay bán quá giá đã định sẽ bị truy tố ở tòa án để phạt tiền, hay phạt tù; trước khi truy tố nhà cầm quyền lại có thể đóng cửa những hiệu đã phạm phép trong một hạn dài nhất là một tháng. Nhà buôn còn phải yết rõ ràng giá nhiều thứ hàng cần dùng cho sự sống hàng ngày.

Đã có những nghị-định hạn chế sự tiêu thụ một vài hóa-phẩm bây giờ đã hiếm, và gần đây ai cũng biết rằng ở vài nơi nhà nước đã tự nhận lấy cái nhiệm-vụ mua dầu hỏa mà bán thẳng cho dân.

Đại đề về sự sản - xuất trong nước nay vẫn còn để cho tư-nhân được tự do. Nhưng nghị định ngày 10 tháng hai 1941 đã bắt buộc tư-nhân phải xin phép quan thủ-hiến sứ mình trước khi mở hay khuếch-trương một kỹ-nghệ, tiểu-công-nghệ hay một hiệu buôn. Khi sự mở mang hay khuếch trương quá 200.000 đồng, thì phải có phép của quan Toàn-quyền. Nhờ sự kiểm-soát ấy chính-phủ có thể hạn chế những ngành xét ra không hợp với tình thế kinh-tế hiện thời ở Đông-Dương.

Nhưng trong những qui-lệ đặt ra trong 21 tháng nay, sẽ có ảnh hưởng xấu xa nhất có lẽ là đạo luật ngày 15 tháng 10 năm 1940 cho Đông-Dương được tự-trị về quan-thuế.

Quan-thế tự-trị

(Autonomie douanière)

Trước ngày 1 tháng riêng 1941, về mặt quan-thuế, Đông-Dương bị coi hẳn như một phần lãnh thổ Pháp: hàng hóa ta vào đất Pháp và hàng hóa Pháp vào xứ ta không phải trả thuế « đơan »; còn như sự giao-dịch của Đông-dương với nước ngoài thì cũng theo thể lệ như ở Pháp: đại đề hàng ngoại-quốc nhập cảng vào Saigon hay Haiphong cũng giả thuế như nhập cảng vào Marseille, Le Havre hay Bordeaux.

Chính sách quan-thuế ấy đã bị công-kích nhiều lần: kinh-tế Đông-Dương không giống kinh tế Pháp và ở đây cần phải giao-dịch nhiều với những nước tại Viễn-đông thường vẫn buôn bán ít với Pháp. Và chẳng nhiều thứ hàng ta và Pháp vẫn cạnh-tranh lẫn nhau luôn (như gạo và lúa mì, tiểu công-nghệ ta và tiểu-công-nghệ Pháp v. v.)

Luật ngày 15 tháng mười 1940 định từ tháng riêng 1941 Đông-Dương không phụ-thuộc với Pháp về quan-thế nữa. Từ nay hàng xứ nọ sang xứ kia

...Phổ - thông mà không làm giảm giá.

Đó là **THANH NGUYỄN**

sẽ phải chịu thuế như tự nước ngoài vào. Nhưng mỗi năm trước ngày 15 tháng 12, theo nhời đề-cử của phủ Toàn-quyền Đông-dương, bộ Thuộc-địa thỏa thuận với các bộ Kinh-tế Pháp mà lập một bản kê ít sản-vật đến năm tới sẽ được miễn thuế « đơan » khi đưa từ Pháp sang Đông-dương hay từ Đông-dương sang Pháp.

Đối với phẩm-vật ngoại quốc xứ ta từ nay có một ngạch thuế xuất nhập riêng tùy quan Toàn-quyền và Hội-đồng chính phủ định đoạt: bộ Thuộc-địa và bộ Ngoại giao Pháp chỉ kiểm-soát cho chính-sách theo ở Đông-dương khỏi trái với chính sách toàn thể đế-quốc Pháp mà thôi.

Quyền tự-trị về quan-thuế là quyền rất to, khiến cho chính-phủ Đông-dương có thể dần dần thay đổi cả nền móng sự sản-xuất và thương mại xứ này.

Những qui-lệ vừa kể qua kinh-tế Đông-dương có một trạng-thái mới: sự tự-do và cạnh tranh hỗn tạp của cá-nhân về thực-nghiệp đã nhường chỗ cho sự kiểm-soát và điều-khiển của nhà nước. Ta đã bước từ kinh-tế tự-do (économie libérale) sang « kinh-tế chỉ huy » (économie dirigée).

Hiện nay nhà cầm quyền đương chỉ-huy theo phương-châm nào?

Trước Đại-Hội-Nghị Kinh tế và Tài-chính họp cuối năm 1939, theo bài diễn văn của quan Toàn-quyền thì Đông-dương cần phải có một nền kinh-tế thích-hợp với cuộc chiến tranh, nghĩa là phải mua bán nhiều ở trong đế-quốc Pháp, bán ra ngoài nhiều mà mua về ít để thu được nhiều tiền ngoại-quốc mà giúp vào sự giữ vững giá đồng franc và sự kháng-chiến bên Âu-châu. Nhưng, từ tháng sáu 1940, sự thông-thương với Pháp bị nghẽn hẳn rồi bị khó khăn, tình thế chính-trị Viễn-đông lại thay-đổi bất ngờ, một bản thông cáo của nhà đương-cục hồi ấy đã cho ta biết rằng từ đây Đông-dương phải tạm sống một mình ở ngoài vòng kinh-tế đế-quốc Pháp, tăng sự giao-dịch với các nước tại Viễn đông (nhất là Nhật-bản) và về mặt kinh tế tìm cách để đối phó với hoàn-cảnh đặc-biệt ở phần/ trái đất này.

ĐÓN COI:

**Một nền giáo dục
Việt - nam mới,
của THÁI - PHÍ**

Nó là tiếng nói của lương tri, tiếng gọi của chính lý, một hồi chuông cảnh tỉnh một lời hiệu triệu thành thiết, đề cải cách hoàn toàn và triệt để Nền giáo dục Việt-nam hiện thời, tùy theo những nhu-cầu của xã-hội Việt-nam mai sau

Thế-giới

TRONG THÁNG VU' A QUA

của TÂN-PHONG

Ngày 31 Mai 1941

Cuộc Âu-chiến

TRONG tháng vừa qua, trên thế giới đã xảy ra nhiều việc quan trọng. Sự tấn công của Đức sang Anh vẫn chưa thấy, nhưng sang đầu tháng năm Anh đã bị thất bại to trên lục địa châu Âu : Nam-tư-lạp-phi (Yougoslavie) đã bị Đức-Ý đánh tan từ 17 tháng 4 ; Hi-lạp (Grèce) bị Đức chiếm từ cuối tháng ấy. Mồng hai tháng Mai, quân đội Anh và Hi rút ra khỏi bán đảo Balkans về giữ đảo Crète. Còn mặt trận tại Phi-châu thì không thay đổi nhiều : Anh vẫn tiến ở Ethiopie (của Ý) và đã chiếm gần hết xứ ấy ; về phía tây Ai-cập, quân đội bên giữ nhau ở vùng Sollum, quân Anh sống chết cố níu lấy thành Tobruk (ở Lybie) để đánh ngang vào sườn quân địch cho khỏi tiến sâu vào Ai-cập. Nhưng người ta đợi đến sự tổng công kích của trục Rome-Berlin, một đảng từ Sollum một đảng từ đảo Crète và Cận-đông, cùng tiến tới sông đảo Suez.

Trong tháng Mai, hai bên đã đánh nhau rất dữ ở đảo Crète : Đức-Ý dùng tàu bay đánh phá tàu chiến Anh, và thả quân nhảy dù xuống những trường bay trên đảo. Quân Anh, Úc và Hi giữ riết, nhưng Đức-Ý chiếm được tỉnh Miléani và đã đổ bộ được vài vạn quân, cùng những chiến xa hạng nhẹ. Rồi đến cuối Mai, Đức-Ý chiếm dần hết Crète.

Trận đánh nhau ở Crète quan trọng lắm : một vì Crète là bình phong của kênh Suez, hai là ở đây dùng một chiến-thuật mới, Đức đã táo bạo đem máy bay đánh tàu chiến và cho quân đổ bộ. Nhiều người cho rằng Đức đã thí-nghiệm ở Crète một phương pháp rồi đây họ sẽ dùng để tiến sang quần-đảo Anh. Thật ra thì khó lòng so sánh được hai tình thế và hai cách tổ-chức phòng-thủ tại Crète và tại Anh. Nhưng, dẫu sao, sự Anh làm bá-chủ trên mặt bể không đủ làm cho đất Anh thành bất khả-sâm-phạm nữa.

Một việc nữa đã làm cho dư-luận hoàn cầu chú ý là trận thủy chiến vừa xảy ra ở Đại-tây-Dương : Tàu chiến vào hạng to nhất của Anh là chiến-hạm « Hood », 42.000 tấn, bị tàu Đức đánh đắm ở gần Groenland (24 Mai). Với chiến hạm « Hood », không những Anh bị thiệt hơn 5 triệu livres, mà còn mất 1600 người vừa võ quân vừa thủy thủ ở trên tàu ấy. Nhưng sự thất bại về tinh thần không đến nỗi to tát quá, vì ngay ba hôm sau hải quân và không quân Anh đã báo thù đánh đắm được thiết-giáp-hạm to nhất của Đức, là chiếc « Bismark » (37.000 tấn) đã bắn trúng chiếc « Hood ».

Về mặt chính-trị, hồi đầu tháng, đột nhiên nhân vật ba của Đức là Rudolf Hess cưỡi máy bay chôn sang nước Anh. Về mặt chính-trị, hồi đầu tháng, đột nhiên nhân vật ba của Đức là Rudolf Hess cưỡi máy bay chôn sang

nhưng tới nay ta vẫn chưa thấy có tính cách gì về chính-trị : Rudolf Hess hiện bị giam làm tù binh tại Anh. Cùng thời ấy những việc quan trọng hơn đã xảy ra ở Cận-đông : nước Irak, một thuộc quốc cũ của Anh, đã nổi lên đánh lại Anh, vì không muốn để quân Anh kéo qua nước mình nhiều quá. Cuộc đánh nhau kéo dài đến 31 Mai Irak mới xin đình chiến. Cũng ở Cận-đông, Thổ-nhĩ-Kỳ (Turquie), mà Anh vẫn trông cậy, nay đứng yên để mặc ngọn lửa chiến tranh từ các đảo của Hi-lạp đâm thẳng xuống phía Nam mà tiến về phía kênh Suez.

Nhưng đối với Mỹ thì Anh vẫn không mất sự thắng lợi về chính-trị ; những nhà cầm quyền Mỹ vẫn ủng hộ Anh, và dự định muốn đem tàu chiến Mỹ để bảo vệ việc vận tải ấy. Đức đã công bố sẽ tìm cách đối phó.

Nếu Hoa-kỳ tham dự vào Âu-chiến thì sẽ có ảnh hưởng ngay đến cục diện Thái-bình-dương.

Tình hình Viễn-đông

Trên Thái-bình-dương, sự giao thiệp của Nhật và Mỹ vẫn gay go, và xem ra khó lòng thành hòa hảo được vì theo dư-luận Mỹ thì nguyên-nhân sự bất hòa đó không phải ở vài điều lợi nhỏ có thể nhân nhượng cho xong, mà chính là ở chỗ hai nước có hai quan-niệm về sự giao thiệp quốc-tế khác nhau, ở chỗ chính sách hai bên theo hai lý tưởng phản trái nhau : một bên muốn Anh được, một bên muốn Đức-Ý được.

Ở gần ngay nơi căn cứ quân đội Anh và Mỹ, Nam-dương quần đảo ngả về phe ấy, nên sự điều-đình kinh-tế với Nhật tới nay vẫn chưa có kết quả làm cho Nhật được vừa lòng.

Tại Đông-Dương, đầu tháng Mai ta thấy hai đoàn đại-biểu Pháp ở Nhật trở về : đoàn đại biểu chính-trị sang để dàn xếp việc lôi thôi với Thái lan đã giải quyết xong những vấn-đề chuyên môn do hợp-ước Pháp-Thái đã ký tại Tokio gây lên. Hợp-ước đó đã ký từ trước.

Còn đoàn đại biểu kinh-tế do quan nguyên Toàn-quyền Robin đứng đầu thì san sáu tháng điều đình tại Tokio tới ngày 6 Mai 1941 cũng đã ký với Nhật mấy bản hợp-ước, kinh-tế về Đông-Dương. Cứ những bản hợp-ước ấy thì từ nay người Nhật được phép buôn bán, mở kỹ nghệ lập hội, mua bán động sản hay bất động sản ở xứ ta, theo như những người ngoại quốc được hưởng nhiều quyền lợi nhất ở đây (clause de la nation la plus favorisée). Về hàng hải, người Nhật cũng được đối đãi như thế. Trong việc buôn bán, nhiên thứ hàng Nhật nhập cảng sẽ được hưởng ngạch quan thuế hạ nhất. Lẽ tất nhiên trong phạm-vi đế-quốc Nhật, người và hàng Đông-dương cũng được hưởng quyền lợi tương đương như thế. Ngoài ra, Đông-dương còn hứa bán cho Nhật một số nhất-định

gạo, cao-xu, ngũ-cốc và khoáng-sản. Tiền bán gạo thì Nhật sẽ dùng một cách riêng để trang-trải, còn giá những thứ hàng kia thì để mua lụa vải và tạo phẩm tại Nhật về Đông-dương, theo « lệ thừa trừ » (compensation), nếu còn dư thì Nhật nhận sẽ giả lại bằng thứ tiền ngoại quốc có giá-trị. Hợp ước còn định rõ sự tham-dự của những nhà buôn Nhật vào công việc nhập cảng và của tư-bản Nhật vào những cơ quan kỹ-nghệ và khoáng - sản ở xứ này.

Chính-trị nước Pháp

Nếu hợp-ước Tokio đã thanh-toán tạm xong những sự khó-khẩn tại Đông-dương, trong tháng vừa qua bên Pháp, cũng đã có những việc mới sẽ có ảnh hưởng xa xa về tương-lai

Trước hết, về nội-trị, chính phủ Pétain đã công nhận ngày 1er Mai làm ngày hội Càn-lao và liên lạc các giai-cấp trong xã-hội. Sau ngày đó, lễ Jeanne d'Arc (11 Mai) đã cử-hành rất trọng-thể khắp đế-quốc Pháp, để cõ-võ tinh thần ái-quốc. Cuối tháng, riêng bên mẫu-quốc, lại có ngày hội gia-đình. Về phương-diện xã-hội, những sự biểu-diễn ấy tỏ rằng trong đời công nước Pháp càng ngày càng thấy rõ rệt tôn-chỉ mới của Thống-chế Pétain : « Càn-lao — Gia-đình — Tổ-quốc ». Về lý tưởng nước Pháp đã chọn một con đường khác xưa.

Trong việc ngoại giao, ta cũng thấy rõ sự quả quyết bỏ vết xe cũ.

Từ đầu tháng Mai, đô-đốc Darlan, phó-thủ-tướng Pháp đã luôn luôn từ Vichy lên Paris trực tiếp với các nhân vật Pháp ở miền bị chiếm cứ và nhất là với các chính khách Đức. Rồi đô-đốc hội kiến với Thủ-tướng Đức, Hitler, tại Berchtesgaden. Cuộc hội-kiến và công việc điều đình ở đũa Pháp-Đức sau khi đó mở một kỷ-nguyên mới trong sự giao-thiệp của hai nước : Pháp nhận công-tác với Đức để gây một nền trật tự mới tại châu Âu, còn Đức thì đỡ nghiêm ngặt trong chính-sách đối với Pháp : sự thông thương về tài sản và tư tưởng từ nay được dễ dàng trong khắp nước Pháp từ miền bị chiếm cứ sang miền tự-do ; có tin Đức sẽ bớt số tiền binh phí Pháp đương phải chịu (hiện nay mỗi ngày 20 triệu Marks tức là 400 triệu quan), và thu hẹp bớt miền chiếm cứ.

Trong bài diễn văn đọc ngày 15 Mai, Thống-chế Pétain đã nói rõ ý-nghĩa chính sách ngoại giao ấy : « Nếu giữ cho tinh thần công dân của ta theo một trật tự chặt chẽ, ta làm xong được công việc điều đình nay đương tiến-

hành, thì nước Pháp sẽ bước qua được sự thất bại của mình, và trên thế giới sẽ giữ được địa vị mình là một nước mạnh ở châu Âu và có đế-quốc ».

Nhế tất nhiên, các nước Anh và Mỹ không muốn Pháp quay về lục-địa châu Âu để hợp tác với Đức. Ngay sau bài diễn văn của Thống-chế Pétain, tổng thống Roosevelt (Mỹ) công kích chính phủ Pháp và hạ lệnh sai binh lính đeo khi-giới xuống giữ những tàu buôn Pháp vẫn đỗ tại Mỹ. Ngoại trưởng Anh là Eden nói rằng Pháp cho Đức mượn căn cứ không quân ở Cận-đông và từ hạ tuần tháng Mai tàu bay Anh đã đến thả bom nhiều lần ở Syrie (của Pháp). Và cuối tháng đã đèn đánh phá cảng Sfax ở Tunisie (của Pháp). Nhưng thái-độ Pháp rất cương quyết: Đô-đốc Darlan đã nói điều đó trong bài diễn văn rất quan trọng đọc ngày 31 Mai.

(Theo tin ta nhận được, thì toàn thể dư-luận Pháp đều tán thành chính sách ngoại-giao của chính-phủ Pétain. Riêng chính-phủ Pháp mới đủ điều kiện để quyết định về lợi quyền của nước Pháp Hiện nay ba phần năm nước Pháp bị chiếm cứ, ngót hai triệu trai tráng Pháp bị bắt làm tù binh, người ta tự hỏi rằng trong trường hợp này dân Pháp còn theo ai hơn là Thống-chế Pétain, và nước Pháp còn có thể có một chính-sách nào ngoại-giao khác là chính-sách hợp tác mà vẫn giữ được danh-dự như Thống-chế Pétain cùng Thủ-tướng Hitler trước đã thỏa hiệp tại Montoire. Đó lấy kiến toàn-thể báo chí ở Vichy và ở Paris.

Cách tổ chức thanh niên đoàn

(Tiếp theo trang 9)

Nhưng cứ lời ông tuyên bố, « hệ hiến chương ấy ban ra, thì toàn thể thanh niên ai cũng phải theo ».

Xem thế đủ biết dấu sao cách tổ chức thanh niên đoàn ngày nay, trái hẳn với trước chiến tranh, đã khuynh hướng về quốc quyền chủ nghĩa (Etatisme).

Như thế, cũng bởi tình thế xui nên : ở một trường hợp khó khăn như hiện thời, chính phủ phải có nhiều quyền, khắp mọi phương diện kinh tế, tài chính, xã hội, chủ nghĩa quốc quyền càng ngày càng rõ. hướng hồ là giáo dục thanh niên. Thuyết cá nhân tự do chỉ thích hợp cho một thế giới thái bình.

Báo THANH-NGHỊ phần TRẺ EM

Mỗi tháng ra ba kỳ nhiều tranh vẽ màu, nhiều bài hát, nhiều trò chơi, nhiều chuyện chọn lọc riêng cho các em nhỏ đọc.

Phần TRẺ EM của báo THANH-NGHỊ

Xuất bản thành những tập sách riêng chuyên về giáo-dục nhi đồng.

Báo chí trong ngoài

của PHAN QUÂN và DUY-TÂM

RÔNG-RÃ ngót hai năm trời, chiến tranh ở mặt Thái-Tây hiện vào thời kỳ chờ đợi. Trong khi chờ đợi này, các nhà sử học đã tạm đủ thì giờ ôn lại một cách công bình và minh bạch những việc đã xảy ra, những việc mà trong khi lâm cục người ta không thể nào nhận thấy một cách rõ rệt được.

Thế mà lúc ấy ở Dunkerque còn lại hơn 100.000 quân Pháp !

Ngày 1-6-40, Hải-quân tư-lệnh Anh, lấy cớ là đã bị thiệt hại nhiều (7 chiếc ngư lôi hạm ạnh bị đắm) xin Đô-Đốc pháp Darlan hạ lệnh đình chỉ việc tháo lui 100.000 quân Pháp còn lại ở Dunkerque.

Ngày 2-6-40 Đô Đốc Darlan đánh điện tín giả nhờ ông Churchill, « Trái hẳn với nhờ Churchill ở tối-cao-quân-sự hội nghị Pháp Anh, chính những người cố thủ Dunkerque đến phút cuối cùng là người Pháp — vậy thế nào cũng phải cứu thoát họ. Tôi yêu cầu Hải-quân tư lệnh Anh phải giúp đỡ Hải-quân Pháp cho lối cùng »

Ông Churchill phải bằng lòng : nhưng đến 4 Juin thì 70.000 quân Pháp mới thoát khỏi Dunkerque.

Vị chi tất cả 224.000 quân anh thoát được, mà chỉ có 110.000 quân pháp thôi ! »

Sau khi đình chiến quân Pháp ở Anh được đối đãi như thế nào ?

Theo ông G. BLOND viết trong tạp-chí REVUE UNIVERSELLE (ký ức của một người bị hàm-cấm Anh) : ai không theo phái De Gaulle phải giam vào một nơi, có buồng ngủ sạch sẽ và ăn uống đầy đủ — Thuận thoảng lại được đi du-ngoạn phong cảnh. Nhưng rất buồn về tinh thần vì họ lo không biết ngày nào mới được về Pháp — Được ít lâu thì có tàu Pháp : Canada chở họ về ; sự giải chiếc phóng bắt ngờ đó, theo ý ông Blond thì một phần lớn tại chính phủ Anh sợ phải chi phí nhiều về sự cung đốn người Pháp bị giữ lại.

Kiểm duyệt bỏ

Kiểm duyệt bỏ

Quân Anh-Pháp đàn, phải tháo lui ra cửa bể Dunkerque xuống tàu sang Anh. Về cuộc tháo lui Anh Pháp theo một điện tín 29-3-41, do báo Impartial ngày 5-5-41 thuật lại thì :

« Sớm 31-5-40 tàu Pháp và Anh đã đưa thoát Dunkerque 224.000 người Anh và chỉ có 35.000 người pháp. Đêm 31 Mai sớm 1 Juin, Lord Gort (chỉ huy quân đội Anh) đã lối Douvres (cửa bể Anh) : và sau đó một lúc, lại cả đại tướng Alexander và một đại đội quân Anh có trách nhiệm làm tập cũng đều lối Douvres.

Ở đất Pháp bị quân Đức chiếm đóng, ngoài các trại tù binh, cuộc sinh hoạt có nhiều đặc-điểm khác.

Lính Đức ở Pháp thế nào ?

Theo báo Fordam France (Newyork City) tháng

3-1941 (thư của một cố-đạo ở vùng bị chiếm đóng) :

« Một người lính Đức được mỗi ngày hai marks tức là 40 quan. Họ ăn hết độ 15 hay 20 quan. Còn họ tiêu vật :

Về cách cử chỉ họ được lệnh trên phải đối đãi với người Pháp rất lễ phép.

« Trong xe điện chạy đường hầm (métropolitain) binh sĩ Đức được lệnh phải đứng dậy nhường chỗ, mỗi khi có một người đàn bà lên : nhưng hầu hết các bà Pháp không nhận ! »

Từ ngày đình chiến Đức - Pháp, mặt trận phía-tây, có thể gọi là tạm yên nhưng trái lại, về miền cận-đông, sau cuộc xung đột ở Hi Lạp, người ta đang chờ những sự quan trọng xảy ra.

Trước kia người ta đoán sẽ có sự can thiệp của cường quốc có quyền lợi trực tiếp ở miền đó là Turquie (Thổ Nhĩ Kỳ). Nhưng tới nay Thổ vẫn không động tĩnh gì và chắc sẽ chỉ tham dự vào chiến tranh khi nào chính mình bị xâm lược; việc đó cũng dễ hiểu. Đặc phái viên báo Saturday eveningpost. (Hoa-kỳ, 26 Avril 1941) viết :

« Tôi đã trông thấy nhiều quân Thổ khi tôi qua nước ấy, vì quân-ngũ bất giờ đang huy-động... Những lính Thổ dân quê đó có thể rất quen lối đánh du-kích trên những đồi núi họ đã thuộc, nhưng không một ai có thể mong đợi ở sự họ đang đầu với những đội quân cơ khí hóa trên mặt bãi chiến trường tiện cho sự dùng cơ khí. Họ là một đội quân

phòng-thủ và sẵn sàng để làm công-việc phòng thủ. Điều đó người Thổ và người Anh đều công-nhận. Hẳn người Đức cũng công nhận như vậy ».

Còn như thái độ của Nga Xô viết :

« Theo những nhà quan sát ở Moscou về thì chính sách của Staline bây giờ vẫn nguyên như hồi mới bắt đầu chiến-tranh Staline coi tất cả mọi nước to trên hoàn cầu như quân địch sau này bất kỳ là Anh, Mỹ hay là Đức, Nhật. Staline cố làm đủ mọi cách để sui những quân địch tương lai ấy đánh lẫn nhau cho yếu dần đi. Staline cố làm cho cuộc chiến tranh Đức - Anh không phân thắng phụ như thế thì nó sẽ kéo dài ra lâu. Có lẽ ông ta còn được sung sướng hơn nữa, nếu Hoa-kỳ và Nhật-bản lẫn vào một cuộc đánh nhau lộn khác ở Viễn-đông ».

Từ Cận-đông và Suez sang tới Ấn-độ, trung-tâm-điểm đế-quốc Anh, không còn xa. Điều đó làm cho ta nhớ lại một bài của tướng George Dunbar viết đã dăm tháng nay trong tạp chí ASIATIC REVIEW (Janvier 1941, Londres)

Theo bài ấy thì từ lúc bắt đầu chiến tranh, người Anh đã đặt một chương trình to tát để khuếch trương bộ quân, không quân, thủy quân, và kỹ nghệ phòng thủ tại Ấn-độ. Dân Ấn hơn 300 triệu người, số quân mộ được có thể nói là không bao giờ hết. nhưng trong cuộc chiến tranh bây giờ khí giới và sự tập luyện chuyên môn rất cần ; về hai điều đó, Anh thấy khó khăn, nhưng họ

3 Juin 1941 xuất bản

TRI - TÂN

TẠP-CHÍ VĂN - HÓA — RA NGÀY THỨ BA—HẰNG TUẦN
SỐ 1 CÓ NHỮNG BÀI :

Phi lộ	của T. T.
Quốc hiệu nước ta	của Nguyễn văn Tố
Thơ Lý-bạch	của Hoàng thúc Trâm
Tháp Báo-thiên	của Tiên Đàm
Việt-nam đã đại thắng người...	
...Anh trong một trận thủy chiến	của H. B.
Ít danh từ mới	của T. T.
Buồng chuối ngự nam (truyện ngắn)	của Ca Hồ
Một ngày ở xứ Châm (phóng sự ngắn)	của Tam Lang
Đẹp	của Đỗ huy Nhiệm
Thăm mỹ	của Nguyễn văn Ty
Chuyện thơ trào phúng	của Song Cối
Phần thưởng Nobel	của Nhân Nghĩa
Rudolf Hess	của Nhật Nham
Vấn đề Thái-bình dương	của Huyên Tinh

Báo xếp thành tập 24 trang 10, bìa 2 màu rất đẹp, do họa sĩ Nguyệt-Hồ trình bày
Giá báo : mỗi số 0p12 ; 3 tháng 1p50 ; 6 tháng 2p80 ; cả năm 5p50. — TÒA BÁO

349, Phố Huế — HANOI

Có bán khắp các hàng sách

đã nhất định trong một thời hạn rất ngắn sẽ rèn luyện và phát đủ khí giới cho gần 500.000 lính Ấn. Đứng về phương diện binh bị, thì biên giới phòng thủ Ấn-độ có thể coi là ra mãi tới sông đào Suez và quần đảo Singapour.

Nhưng muốn cho sự tham dự của Ấn-độ có hiệu quả, thì cần nhất dân tâm Ấn phải vào với người Anh. Điều đó, người Anh đã đạt được chưa? Ta rất khó biết, nhưng theo như những số gần đây của một tờ báo toàn thể vẫn ủng hộ người Anh, là báo *Asia* (tại New-York) thì ở nước ông Gandhi, chính phủ thuộc địa Anh đã phạm nhiều điều lỗi, nhiều điều nhằm mà hiện nay kết quả về chính trị vẫn chưa hết.

Cũng trong báo ấy bàn về sự giao thiệp của người Nhật và Mỹ tại Viễn-đông (*Asia*, Février 1941) Robert Aura Smith nhận rằng hiện tình chính sách ngoại giao của hai nước có những điều phản trái sâu xa đến nỗi khó lòng mà thỏa hiệp được :

« Tokyo chú-trọng về điều Hoa-kỳ phải thừa nhận sự « hợp lẽ » của nền Trật-tự mới tại phía đông châu Á trước khi chúng ta người Mỹ được bàn đến những điều kiện để gây nền hòa bình. Hoa-kỳ thì cố nói rằng chính nền trật-tự mới ấy trái với hòa-bình và Nhật phải thừa nhận những điều Hoa-kỳ phản kháng về chính sách của Nhật hay là phải đương đầu với Hoa-kỳ vào lúc nào hay ở nơi nào tùy ý Tokio chọn lấy. Vì những điều phản-kháng đó liên can mật thiết với chính sách ngoại-giao của Hoa-kỳ, nên chúng ta cố bắt Nhật thừa nhận chính-sách của ta, chẳng khác gì Nhật cố bắt ta phải thừa nhận chính sách của họ — Nước cờ bĩ là thế..

Sự Nhật gia-nhập vào trục Rome-Berlin lại còn làm cho nước cờ ấy thêm phức tạp và khó khăn hơn nữa. Khi Nhật tuyên bố rằng trật-tự mới ở phía đông châu Á là một việc tương đương với trật-tự mới của trục Rome-Berlin ở Âu châu và Phi-châu, Tokyo đã báo cho ta biết rằng trước khi nói đến chuyện hòa-bình ta phải thừa nhận chủ-nghĩa của trục ấy. Trái lại, chính sách ta đã tuyên bố là hết sức giúp nước Anh có ý-nghĩa bảo cho Tokyo rằng ta vào phe khác họ. Thái-độ chính-thức của Nhật đã bầy mặt cái nền tảng to và độc nhất để gây sự

hòa-hảo ở Thái-bình-dương, vì bây giờ Nhật muốn cho Anh phải thất bại, dẫu lúc ta muốn cho Anh được thắng lợi ».

Nhưng người ta không tin rằng chiến tranh Mỹ Nhật có thể xảy ra ngay được. Sau khi đã so sánh lực lượng của hai nước. MARCEL NER, trong báo *Indochine* (ở Hanoi, 3 et 10 Avril 1941) kết luận :

« Khi có chiến-tranh, Nhật hẳn được lợi về sự giao thông dễ dàng ở dữa những căn cứ hải quân và không quân của mình, và về quân lực (bộ, thủy, không quân và căn cứ địa) hiện nay hợp thành một khối tạm thời mạnh hơn quân lực của toàn thể bên địch (Mỹ, Anh, Nam-dương); vì thế Nhật có thể thắng lợi trên chiến-địa. Tình thế có thể thay đổi rất chóng vì quân lực Mỹ tăng rất gấp — Nhật là Mỹ hơn hẳn về mặt kinh-tế, ngay sau khi xảy ra chiến tranh về phương diện kỹ-nghệ Nhật sẽ bị cho vơ, điều ấy có thể làm cho Hoa-kỳ sẽ thắng trận — Hoa-kỳ muốn tránh hay ít ra thì cũng muốn hoãn chậm cuộc chiến tranh mà họ vừa mới bắt đầu sửa soạn. Nhật-bản chỉ có lợi là khi nào cuộc chiến tranh gây ra sẽ chóng, nghĩa là khi nào trục Rome-Berlin đã toàn thắng ở Âu-châu, bắt buộc Hoa-kỳ phải tự rút về tây-bán-câu (châu Mỹ, khiến cho sự thắng lợi lúc đầu trên ckiến địa của Nhật thành ra vĩnh-viễn ».

Nếu chiến tranh ở Thái-bình-dương xảy ra thì khó lòng đoán trước được phe nào sẽ thắng : những việc gần đây đã làm cho ta bớt tin về lợi hại của sự phong-tỏa kinh-tế. Về phương diện ấy, hợp-ước bất-sâm-phạm Nga-Nhật mới ký gần đây làm cho vấn-đề Thái-bình-dương thay đổi nhiều. Nhưng ta cũng tin rằng nếu sóng chưa nổi lên ở phía trái đất này, đó là vì cuộc Âu-chiến chưa ngã hẳn về bên nào. Và chẳng, tại miền Nam-hải, tại Nam-dương quần đảo, là nơi hai phe Nhật-Mỹ sẽ gặp nhau dễ nhất và trước nhất chưa phe nào hoàn bị : Mỹ chưa đủ quân lực ở mẫu-quốc để liệu một trận ở hải-ngoại, Nhật chưa tìm được đường tiện lợi để tiến vào một miền mà thủy quân và không quân Anh-Mỹ có những căn cứ chắc chắn làm bình-phong và hậu-thuần.

(Xem bản-đồ ngoài bìa)

Số đặc biệt nghỉ hè của **Thanh Nghị Trẻ Em**

Xuất bản vào ngày 15 Juin. Một công trình về nhi đồng giáo dục chưa từng có ở Đông - Dương. Ngày 15 Juin báo THANH - NGHỊ tổ chức ở hội quán hội Khai-tri Tiến-dức một buổi ca kịch đặc biệt dành riêng cho bạn nhỏ đọc THANH - NGHỊ TRẺ EM.

DÙA CON

Tiểu thuyết của Đỗ Đức Thu

PHẦN THỨ NHẤT

I

CON sen già một tiếng dài, chạy ra mở cổng. Bà Tâm lách qua cánh cổng mở hẹp, quay lại kéo đứa con vào theo, hỏi :

— Bà phán có nhà không?

— Già, thưa bà có ạ.

Con' sen chạy vào trước, mở cửa nhà trên, thò đầu vào nói :

— Thưa mẹ, có bà Tâm sang chơi.

Bên trong có tiếng đưa ra :

— Mày mời bà vào, rồi xuống đun nước đi.

Con sen đi mau xuống bếp. Cửa mở rộng, bà phán Mậu bước xuống mấy bậc gạch, tay quần lại mở tóc :

— Kia, chào bà. Lâu bà không sang chơi. Thấy nói bà đi Hà-nội.

— Vâng. Thưa bà tôi mới về hôm qua.

Bà Tâm đứng đĩnh đi vào, bước chậm chạp vì còn giắt một đứa con trai chừng bốn năm tuổi. Đứa bé lếch thếch kéo tay mẹ, ngó ngàng nhìn mấy khóm hoa bên lối đi. Bà phán Mậu vội chạy đến ôm đứa bé, nhắc bổng lên :

— À, cậu Quý. Hôm nay có áo đẹp nhỉ!

Bà hôn Quý; môi bà cắn vào đôi má phúng phính của đứa bé, như vào một trái chín. Bà kêu to giục con sen đun mau nước, rồi họ vào cả trong nhà.

Bà Tâm đến chơi giữa lúc bà Mậu đang buồn, muốn có một người nào để nói bất cứ một chuyện gì, nên sự tiếp đãi rất niềm nở. Một nỗi ưu tư vừa rồi còn phảng phất trên nét mặt bà Mậu, đã tan đi. Trong lúc chờng đi làm vắng, bà Mậu thường chỉ quanh quẩn trong nhà. Mấy hôm nay hình như có chuyện gì buồn, bà không ra khỏi buồng ngủ và phòng khách. Cửa nhà trên thường đóng im ỉm, trừ buổi chiều, lúc ông Mậu ngồi xem báo ở thềm.

Bà Mậu ít giao thiệp, không hay đi chơi bời dẫu. Cái nhà thuê mãi đầu tỉnh, chung quanh có vườn rộng, vắng vẻ, yên lặng như ở giữa cánh đồng. Con sen mỗi sáng cắp rổ đi chợ, ngày ba buổi ông Mậu giắt xe đạp ra sỏ, còn ít thấy bóng người trên cái lối đi có cỏ mọc lổm chổm qua khe sỏi dải thưa. Hôm nào thấy bà Mậu cùng đi với con sen, thì lớp nhà có dáng vui vẻ hơn : mấy cánh cửa sơn sơn mở rộng, trong nhà thêm

bóng người. Đó phần nhiều là những khách nhà quê, mỗi năm ra độ một vài lần, thường thường vào những dịp sưu thuế. Ở tỉnh, ông Mậu không chơi bời với ai, thành những dịp ấy cũng hiếm.

Ở một nơi biệt tịch, ít giao thiệp, mà bà phán Mậu cũng biết được các tin tức trong thành phố, những việc xảy ra hàng ngày, như người ngồi trong huồng kín, đọc tờ báo để biết sự sinh hoạt bên ngoài. Tờ báo của bà Mậu là bà Tâm.

Bà Tâm chạc ngót bốn mươi, dong dỏng cao, và gầy, nên trông lại càng cao thêm. Đôi vú chảy xuống làm ngực lép lại và cái bụng đưa ra đằng trước; dáng đi thong thẻo của người làm dáng lúc quá thì.

Thân thể mảnh khảnh của bà Tâm như dễ dễ đưa bà vào các chỗ tụ họp của mấy bà tai mắt trong thành phố, phần nhiều là vợ các công chức. Đám chần nhà bà chủ giày thép, hội tổ tôm của bà thú ý ít khi vắng bà Tâm. Cặp môi mỏng dính của bà không bao giờ giữ nổi những câu chuyện bà nghe được; truyện lằng nhằng của mấy bà dỗi mồm, thóc mách, kháo nhau trong lúc ngồi đợi đủ chân bài. Nghe được gì, bà Tâm thường về nói lại với bà Mậu. Mỗi lần bà sang vay tiền bà Mậu đi đánh bạc, là có một câu chuyện làm quà Kề với bà Mậu, bà Tâm được yên lòng Bà Mậu chắc không mách lại với ai, bà Tâm ít sợ đôi co.

Con sen mang nước sôi lên, sắp ấm chén. Bà Mậu bảo :

— Thôi, để đấy. Đưa chai chè đây rồi mày xuống trông cơm đi.

Mỗi khi bà Tâm tới, bà Mậu thường sai con ở xuống bếp, hoặc đi chỗ khác. Bà biết rằng nếu có một người nào ở đấy, bà Tâm sẽ không nói nhiều, mà những câu chuyện của bà Tâm, bà Mậu rất ưa nghe. Bà muốn thấy một âm hưởng cuộc đời ở ngoài mà bà rất muốn rùng vào, nếu không quá giấu lòng tự ái. Ông M chỉ là một viên thư ký. Chơi với các bà Đốc, bà Tham, bà Mậu thấy như người ngoài, hoặc ngay eác bà kia, cười mình có ý chơi trêu. Bà Mậu không muốn cho họ khinh mình, hoặc phải giữ thái độ khúm núm với người có danh vọng hơn. Chẳng thà lảng xa, dẫu lòng tự ái dưới bộ mặt kín đáo và kiêu hãnh.

Hai người đàn bà bắt đầu nói những chuyện trời mưa, trời nắng, những câu mở đầu không biết dùng đã bao nhiêu lần, những khi họ gặp nhau.

Bà Tâm nhắc chén nước :

— ròi mầy hôm nay khó chịu quá.

— Vàng, khó chịu thực Hanh không ra hanh, nồm không ra nồm. Tôi thấy vàng vất, bỏ cả cơm. Chắc nhiều người ốm lắm.

Cậu bé con đang ngồi với mẹ, tụt xuống đất, giương đôi mắt thổn thức nhìn chiếc lọ đồng bóng loáng ở giữa bàn, có cắm mấy chiếc hoa vải đã phai màu. Bà Mậu kéo đứa bé sang phía bà :

— Cậu Quý ngoan quá nhỉ ! Lấy hoa cho Quý chơi nhé ?

Bà Tâm vội đáp :

— Thôi bà đừng chiều cháu, nó làm hỏng ngay đấy. Ở nhà bao nhiêu đồ chơi ba cháu mua tận Hà-nội, mà không cái nào đậu được lấy vài hôm.

Bà nhìn con, mắng yêu :

— Hư quá !

Quý hiểu mẹ mắng mình, nép vào gối bà Mậu. Bà Mậu bế đứa bé lên lòng :

— Em ngoan lắm đấy chứ !

— Cháu quấy và nghịch lắm, không mấy trưa là ba cháu được ngủ yên. Nhiều lúc phải gắt mắng mà chúng vẫn chông nhau. Thật là cái tội.

Bà Tâm cười, vẻ cười của một bà mẹ thỏa mãn. Bà đã vui lòng mang cái tội nhiều con. Bà âu yếm nhìn Quý ngồi tròn trong lòng bà Mậu.

Bà Mậu thở dài :

— Chúng tôi chỉ mong được đứa con giai như thế này cho nó phá !

Nét mặt bà Mậu rầu rần hẳn xuống. Bà Tâm vẫn biết bà Mậu quý trẻ, bà thường lợi dụng chỗ đó. Mỗi khi cần nhờ vả một việc gì, bà thường cho Quý theo sang. Những hôm ấy, bà Mậu như dễ dãi hơn. Hôm nay câu của bà Mậu có vẻ thiết tha, làm bà Tâm thấy đã chạm đến một điều đau đớn. Hai người nhìn nhau. Bà Tâm không biết nên hưởng ứng với nỗi ao ước của bà Mậu, hay nói một câu khôi hài làm vui lại câu chuyện. Đứa bé bị bà Mậu ôm chặt, giẫy dòi tụt xuống. Bà Mậu rút thêm một chén nước :

— Mời bà soi nước.

— Bà đừng mặc tôi. Con cái cũng là tại số. Chúng tôi làm lúc thực khổ, muốn đem cho bớt người ta nuôi đỡ.

— Bà nói thế, chứ làm người cầu lấy khổ như ông bà mà không được. Hay là bà cho tôi cậu Quý này !

Bà cúi xuống Quý :

— Cậu sang ở với tôi nhé !

Bà Tâm cười :

— Vàng, Đấy tôi biểu làm con nuôi bà đấy !

Bà Mậu cũng cười, tiếng cười đầy vẻ ngượng nghịu.

Bà Tâm nói :

— Chẳng qua cũng là số trời. Nhiều người muợn màng mà sau rồi cũng con đàn, con đống. nhưng hiếm hoi mà được như ông bà đây thực là ít có. Nhiều gia đình chỉ vì thế mà sinh đến năm chuyện. Bà biết nhà ông Kiểm-Lâm đấy chứ ? lấy giờ thật là tan nát.

Bà phán Mậu đoán thấy một câu chuyện hay hay. — Thế kia ư ? Gia đình ấy ra dáng vui vẻ, hòa thuận lắm mà. Làm gì mà đến nỗi tan nát ?

— Vàng, thật là không ai ngờ. Ông ấy còn trẻ, có lẽ lại còn ít tuổi hơn ông phán nhà ta. Gia đình ấy chỉ êm thấm ngoài mặt đấy thôi, ở ngoài trông tưởng hòa hợp, vui vẻ lắm. Ai biết đâu ? Bà ấy thường than thở với tôi, lắm lúc phải khóc vụng. Đầu tiên, ông ấy đi chơi đêm, bà ấy ngăn cản, ông ấy cười bảo : « Mợ để một đứa con trai đi, tôi sẽ ở nhà với mợ suốt đêm ngày. » Tưởng chồng vẫn yêu qui mình, thì thì bà ta cũng đành lòng để chồng chơi bởi chút đỉnh. Ai ngờ mỗi ngày một quá. Mấy tháng trước đây, đêm nào ông ấy cũng đi suốt sáng. Rồi cứ mỗi lần nói là một lần cãi nhau. Ông ấy chẳng còn kiêng nể gì nữa, nói nhiều câu thâm tệ, những là..., những là... gì nhỉ ? Câu gì chữ nho nghĩa là... là... là không có con thì cho về... .

— « Vô tử tức, hoàn tông-nhân » không có con thì cho về. Có phải không bà ?

— Vàng, phải câu ấy đấy. Lại còn nhiều câu thâm tệ nữa. Bà tính như thế thì còn tính nghĩa gì ?

Bà Mậu ngồi im. Bà Tâm sắp động nói, tiếp :

— Hôm nọ ông ấy công nệm mang một con gái nhẩy về, chưa đã trông thấy bụng. Thì ành một cuộc sô sát tay ba, nhưng bà tính yếu ớt, mảnh khảnh như bà Kiểm-Lâm thì còn đánh nhau được với ai ? Ông ấy lại bênh con kia. Hôm sau bà ấy về Hà-nội với mẹ, cùng đi một chuyến xe với tôi.

Bà Tâm ngừng lại, muốn đợi một câu gì của bà Mậu. Bà Mậu vẫn im lặng, như nghĩ đến một câu truyện gì khác. Cậu Quý, không thấy ai nhìn đến, niu áo bà Mậu, muốn đòi một cái hoa khác.

— Ra đây, sao hỗn thế con ?

— Bà đừng mặc cháu nó chơi. Thế ra bà Kiểm-Lâm cũng về Hà-nội một chuyến xe với bà ?

— Vàng, trông bà ta ái ngại quá, lời thôi lố thốc như con mẹ đại. Nói chuyện như chỉ muốn khóc. Bà ta lành quá. Như tôi thì chẳng đời nào tôi chịu thế !

Bà Mậu mỉm cười một cách hoài nghi. Bà Tâm vội cãi :

— Thật chứ ! Người ta cướp mất chồng mình thì ai mà chịu được. Nhất là lành làm gái, về làm môi, đã muốn tan nát thì chơi tan nát nhân thế, ròi ra sao thì ra !

Mặt bà Tâm hồng lên, hai mắt long lánh đưa đi đưa lại rất mau. Bà ra vẻ hăng hái, cả quyết lắm. Chính nhìn bà trong một lúc như vậy, ông Tâm cũng đủ không dám trái ý vợ.

Bà Mậu chép miệng :

— Mỗi người một tâm tính, mỗi nhà một cảnh. Bà ta trông cũng hiền lành, và còn trẻ lắm.

— Vàng. Bà ta mới ba mươi. Mà có lẽ hiền lành quá thành lần thản, ngu độn để cho ông ấy bắt nạt được. Đã dữ ngay từ đầu, lúc ông ấy mới đi chơi thì đầu đến nỗi. Nhưng tưởng chồng vui anh

em, qua-quýt cho qua ngà. tháng. Mà mỗi lần động đến là lại bị ông ấy chặn họng: « Mợ cứ để đũa con trai đi, thì tôi ở nhà.»

— Mợ ba mươi tuổi thì đã lo gì chẳng để. Ông ấy muốn đi thì thiếu gì cách. Có con mà ông ấy chẳng tìm được có khác để đi à?

— Bà ấy còn trẻ, nhưng khốn nỗi...

Bà Tâm ngừng lại.

— Nhưng sao, bà?

Bà Mậu chăm chú nhìn bà Tâm. Bà Tâm ngập ngừng, như đã buột miệng nói ra một câu chuyện đáng giấu. Nhưng bà đã chót nói hở ra, và bà Mậu cứ chăm chăm nhìn mãi. Câu chuyện có lẽ táo bạo, hoặc vì một lẽ gì làm gương mồm không tiện nói to, bà Tâm nhìn quanh gian phòng khách, tuy đã biết chắc là không có người nào khác, ngoài cậu bé con, rồi bà xích lại gần bà Mậu, nói nhỏ vào tai...

Bà Mậu mỉm cười, mắt sáng thêm, mặt hồng như có một luồng máu nóng trào lên:

— Thế kia ư?

— Vì thế nên mỗi lần nói động đến chuyện sinh đẻ, thì bà ta lại phải nhịn, không dám nói năng gì.

Câu truyện chắc đã gợi ra những ý nghĩ gì, nét mặt bà Mậu lại thành vợ vắn. Bà Tâm muốn bênh một bạn gái:

— Nhưng chắc cũng là tại ông ấy chứ, đàn bà chúng mình thì làm gì nên tội. Phần nhiều các bệnh tật là do tại bọn đàn ông cả.

Bà thở dài, tiếp:

— Làm thân phận đàn bà cũng khổ thật!

Hai người lặng im. Tiếng tích tắc rơi rõ mồn một làm cậu Quý ngừng lên nhìn chiếc đồng hồ. Bà Mậu hỏi:

— Thế cái con gái nhẩy ấy có đẹp không?

Môi dưới bà Tâm dài ra:

— Đẹp để gì cho cam? Lênh khênh như cò hồn lộn độc, đít cong như bọ ngựa. Nhưng đàn ông họ hay chuộng của mới; cũ người mới ta mà lại. Thử bỏ phần sấp đi thì chắc chẳng khác gì con chết trôi. Những hạng ngay lưng ăn sẵn ấy, lúc nào cũng phần sấp thì làm gì chẳng được các ông ấy coi hơn bọn chị em mình. Minh hơi đầu đóm dáng như họ.

Như muốn phản kháng câu cuối cùng, chiếc đồng hồ rên lên, rồi gõ luôn mười một tiếng. Các bà cũng vẫn còn đóm dáng lắm. Cổ bà Mậu có chuỗi hạt trai dỏ, mặt bà Tâm không mấy lúc hết vết phấn. Các bà vẫn đề ý đến những kiểu áo mới, màu hàng hợp thời trang. Nhưng biết rằng không sao hơn được bọn gái mới, trẻ đẹp hơn, các bà làm ra bộ kiêu kỳ, đứng đắn, và càng ghét bọn này.

— Chết chửa, mười một giờ rồi, ông phán sấp về. Xin phép bà.

Bà nắm tay Quý:

— Ra đây con.

— Bà ngồi chơi tý nữa đã. Nhà tôi còn lâu mới

về.

Tuy nói vậy, bà Mậu cũng đứng dậy tiễn chân bạn. Ra đến cổng, bà còn dặn với:

— Thỉnh thoảng bà cho cháu Quý sang chơi.

— Vâng, lúc nào rồi tôi lại xin sang. Đạo này cũng chẳng có công việc gì, làm lúc buồn quá, chẳng biết đi đâu. Xin chào bà.

II

Năm ấy, bà Mậu ba mươi ba, kém chồng bốn tuổi. Hai người lấy nhau đã lâu mà chưa có con.

Bà Mậu là một người vùng xuôi, trước kia nhà có mở một ngôi hàng tạp hóa. Năm mười chín tuổi, bà Mậu, còn tên là cô Nga, ngày ngày ngồi trông hàng với người em gái mới lên bảy — cô Quý — và bà mẹ. Ông bố đã mất sớm. Một người em trai cô Nga, cậu Chắt, đang theo học trường tỉnh.

Gia đình ấy sống về một ít ruộng ở nhà quê hơn là về cái cửa hàng. Bà mẹ ở tỉnh vì có cậu Chắt đi học, và mở cửa hàng chỉ cốt cho hai cô con gái có công việc, học buôn học bán. Nhà không giàu nhưng được dư dật, và được mẹ chiều, nên cô Nga đã đóm dáng, đóm đánh từ sớm. Chiều chiều, những giờ tan các công sở, cô rời cái ghế đằng sau tủ hàng nó che lấp quá nửa người, ra đứng ở bực cửa nhìn các người làm việc về qua. Ở các tỉnh nhỏ, người được các thiếu nữ đề ý đến nhất là các công-chức trẻ tuổi. Rồi cô Nga phải lòng một viên thư-ký tòa sứ. Vì cô còn ít tuổi và bông bột trong tình yêu lần đầu, không giữ được kín đáo, hoặc vì anh tình nhân đem khoe với các bạn cái may của mình, nên chỉ một vài tháng cả phố đã biết truyện, trừ bà mẹ cô.

Hơn một năm sau, tình nhân cô đổi đi nơi khác. Tuy nhan sắc khá, cô Nga cũng khó lấy chồng. Mãi đến năm cô hai mươi năm, mới có ông Mậu ở tỉnh khác đến hỏi. Cô nhận lời ngay, và đám cưới rất gấp. Ông Mậu không kịp nghe những lời dèm pha. Sau tủ hàng, cô Quý đã ngồi thay chị. Dân trong phố dần dần quên cô Nga. Ngày tháng lặng lẽ trôi.

Các cô con gái thường có những chuyện tình ái trong lúc mới lớn. Nó thường là những ý tưởng vợ vắn, hoặc những người bạn trai cùng chạc tuổi, trong sạch và ngớ ngẩn. Cũng có khi nó dạt đến nhục dục. Nhưng thường thường, khi người con gái thành gia thất, thì tình ái ấy tan vào giường người chồng chính thức.

Cô Nga quên người trước đã lâu. Cô sẽ thành một người vợ phư bất cứ một người đàn bà nào, nếu cuộc gặp gỡ ban đầu đã không để lại vào xác thịt cô một vết thương ác nghiệt. (92)

Cô đã có thai một lần với tình nhân. Được ba tháng, khi cô biết chắc chắn, thì biết chắc chắn thêm cả tâm tính người yêu họ chỉ dùng cô làm thú tiêu sấu khi vợ cả ở nhà quê. Lúc ấy bà

mới biết rõ con gái, bà đành bụng. bit để cứu vớt lấy thanh danh. Bà đưa cô về quê một ít lâu. Cô Nga không nghĩ gì đến đưa con, chỉ cảm dận tình nhân và lo truyện vỡ lở. Cái thai ra.

Ông phán Mậu, xem cách cư xử, thì như không ngờ vực gì về quá khứ vợ. Ông Mậu tính rất lạnh, ít chơi bời. Ngày ngày, ngoài hai buổi ở sở, ông chỉ quanh quẩn trong nhà. Người ta bảo ông trưởng giả, có người lại bảo ông ngu. Ông cũng không ngu lắm. Thỉnh thoảng có cuộc hội họp các anh em, một đám tiệc tất niên, hay tiền chân một bạn đồng sự mà bất đắc dĩ ông phải đóng góp, thì ông cũng ra vẻ ăn nói. Ông bàn về bất cứ một vấn đề gì : thể thao, văn chương, xã hội, chính trị. Món gì ông cũng biết, cũng ra vẻ thành thạo. Ngoài những dịp ấy, nếu có ai rủ dè ông, thì không những ông từ chối, ông còn giảng đạo đức. Lý thuyết của ông là những câu châm ngôn in trong sách luân lý cho các học trò trường sơ học. Một lần, hai lần, người ta đâm chán, để mặc ông. Bà Mậu đã tự cho là may mắn, lấy được chồng hiền lành.

Bà Tâm về được một lát, bà Mậu thấy như đầu. Bà kêu con sen, dọn dờ cơm nước cho chồng, rồi vào buồng nằm. Ngẫu nhiên, cả một thời xưa hiện đến, dờ dập, diễn thành những cảnh rất linh hoạt trong trí não.

Lấy ông Mậu được một năm, bà có thai. Quãng đời về trước sớ nhòa hẳn. Bà không còn phải lúc nào cũng hồi hộp, sợ người ta biết điều bí ẩn của dĩ vãng mình. Ông Mậu không yêu bà nồng nàn như tình nhân xưa, nhưng bà đã chán cái nồng nàn giả dối nó đã đánh lừa bà. Vả ông Mậu cũng là người chồng đáng giá, có chức nghiệp, có vốn liếng, làm cách sinh hoạt được dễ dàng. Bà Mậu không phải chịu cảnh làm dâu cạnh mẹ chồng. Ông Mậu làm việc xa quê, họ hàng ít khi đi lại. Hai vợ chồng được biệt tịch một nơi.

Đi đâu với chồng, bà được thả cái bụng chữa ra mà không sợ ai dị nghị, lại còn thêm kiêu hãnh. Bà nghĩ đến đứa con sẽ làm vui thêm cửa nhà, và đã nghĩ đến cách chăm nom đứa bé. Ông Mậu săn sóc bà hơn ngày thường. Đêm ngủ, bà đặt tay chồng lên bụng và cảm thấy một nỗi vui thấm thía. Cái vui đó không được bao lâu : đến tháng thứ sáu, bà Mậu bị ầu sần.

Một tiếng sét giữ đời quang, hạnh phúc của bà Mậu mất từ lúc ấy. Tiểu sản là một bệnh của những người đàn bà không may, nhưng sao người ấy lại chính là bà, giữa lúc đang bồi đắp bao nhiêu hy vọng ? Không một điều gì có thể để ngờ việc đó. Bà rất khỏe mạnh. Không bao giờ bà thấy trong mình dễ chịu như hồi ấy. Bà ăn được, ngủ được nước da đỏ dãn. Hay là...

Hay là cái thai trước nó báo ?

Bà hoảng hốt vô cùng vì ý nghĩ đó. Đàn bà ường hay dị đoán, mà khi ý nghĩ đó đã vào thì nó thâm nhập mãi, soáy mãi vào như một

chiếc đinh ốc. Từ đấy bà chỉ nghĩ đến cái thai bị hoại, lần sẩy sau, những truyện quả báo. cùng các điều ghê gớm hơn nữa. Muốn sám hối tội lỗi, và tìm che trở ở Trời, Phật, bà không quản vất vả, xa xôi, đi lễ hết các đền, các phủ, đội ba bốn bát hương. Ông Mậu không ưa lễ bái, nhưng thấy vợ đau đớn quá, người xút, xấu đi, cũng phải chiều. Bà Mậu cho rằng chỉ khi nào bà có con thì mới là rời khỏi cái ác báo. Tháng tháng, bà nghe ngóng. Mỗi lần hành kinh chậm, bà Mậu lại có cái mừng hụt, rồi lại lo.

Hai năm sau, bà Mậu lại có mang.

Lần này, hai vợ chồng cẩn thận ngay từ lúc bắt đầu. Đến tháng thứ ba, ông Mậu đưa vợ đi thăm bệnh. Bà Mậu chăm chăm nhìn thầy thuốc, như muốn đọc lời phán đoán trong một cặp mắt đã quen kín đáo, không hề để lộ một ý gì. Ông thầy thuốc dặn giữ gìn cẩn thận, tiêm thuốc, kê một cái đơn, rồi bảo hai vợ chồng về.

Lần này thì được bảy tháng, bà Mậu lại sẩy. Một đứa con trai, ra đời chỉ đầu được vài giờ. Bà đâm ốm kịch liệt, thầy thuốc phải luôn luôn săn sóc. Cái đau trong tâm hồn làm tăng sự yếu ớt của xác thịt. Nằm trên giường bệnh, bà chỉ nghĩ đến những truyện khủng khiếp, thấy ý nghĩa ghê rợn cả từ trong những truyện rất thường, giấc ngủ của bà thường đầy ác mộng ; có lúc bà mê thấy một đứa hài nhi nhễ nhại, ngồi đầu giường, neho neho đòi đèn mạng.

Nhờ sự tận tâm của chồng và tốn rất nhiều thuốc, mấy tháng sau bà Mậu định phục. Trước khi ra về lần cuối cùng và để lại một đơn thuốc bồi, thầy thuốc dặn lại :

— Dạ con của bà yếu quá, không giữ nổi cái thai nên mới sẩy đến hai lần. Có giữ gìn cẩn thận lắm thì may được lâu hơn ít nữa, nhưng chưa chắc được đủ ngày tháng. Nếu được tám tháng mà đứa trẻ khỏe mạnh thì có thể nuôi được. Mỗi lần sinh đẻ như thế hại người lắm ; bà còn trẻ, khí huyết phương cường nên mới chữa được dễ dàng thế, nếu người yếu thì nguy hiểm lắm. Bà nên cẩn thận.

Một tội nhân, khi nghe quan tòa tuyên một trọng án, chắc cũng có cảm giác của bà Mậu khi nghe lời thầy thuốc. Trời đất tối sầm lại, chân tay bà rời rã. Thế là hết ! Dạ con của bà đã hỏng, tại bà phá hoại cái thai đầu tiên, làm sai lệch công việc của tạo hóa. Bà sẽ không bao giờ có con, sẽ như một cái cây cằn cỗi dần dần mà không ra hoa, kết quả.

Lúc này, bà càng thấy đứa con cần cho gia đình. Hai vợ chồng cũng đã đứng tuổi, đứa con làm chặt tình liên lạc của hai người, làm vui vẻ nhà cửa, làm phát triển những thiên tính của người đàn bà thích nuôi nấng, ôm ấp. Lại còn truyện hương lửa : đứa con sẽ phụng dưỡng lúc tuổi già, đơm cúng khi chết, nối lại giòng dõi về sau. Người không con sẽ bị « ăn cháo lá đĩa »

Ý đó thâm thiết lắm. Bà, ông Mậu, sẽ phải đi cướp cháo thi? Ông Mậu chắc không khi nào chịu. Không có con nào phải tại ông? Giá ông mang một bệnh tật gì để bà không sinh đẻ, thì bà đỡ được lỗi về mình, nhưng ông lại rất khỏe mạnh bình thường. Bà đã có chữa với ông đến hai lần, không thể nào đỡ lỗi cho ông được.

Dù ông Mậu, quá thương yêu bà, không nghĩ gì đến con cái — một điều bà không tin chắc được — thì còn bà mẹ chồng. Bà cụ chắc không khi nào chịu để cho giòng giống tiêu diệt. Bà Mậu lại từ ông tượng đến một đứa cháu nào trong họ sẽ lên thừa tự. Không phải khí huyết bà, khí giỗ ngày tết, nó đem cúng lạy nhặng để nuốt cho trời hương hỏa. Hoặc là ông Mậu lấy vợ lẽ.

Sao lại không? Ít lâu nay, bà thấy thái độ chồng thay đổi, hoặc bà quá lo nghĩ mà đâm ra nghi ngờ như vậy. Nhưng sao ông Mậu lại không nghĩ như thế? Bà đã giấu được chồng thời con gái, nhưng ông Mậu ngu gì mà không thấy một trường hợp danh danh trước mắt. Ông vẫn ít nói, vẫn quanh quẩn ở nhà: bà cho là ông đang kín đáo thâm tính công việc. Mỗi lần có mẹ chồng ra chơi, bà lại ngom ngóp sợ. Bà đã xin chồng đừng cho mẹ biết lời thầy thuốc, nhưng biết đâu, trong một lúc vui truyện, vắng bà, mẹ con lại chẳng kể lể, bàn bạc với nhau. Ông Mậu mà muốn lấy vợ lẽ, bà mẹ chồng chắc bằng lòng. Bà cụ còn mong như thế nữa. Nếu việc ấy xảy ra, thì sẽ mất quyền thế trong gia đình bà đã vun đắp mấy năm nay. Công của bà, sẽ có người khác vào tọa hưởng.

Chỉ nghĩ đến cũng đã đủ đau khổ; không bao giờ bà chịu cảnh đó. Bà sẽ dùng hết cách để ngăn ngừa. Những cách gì, bà chưa biết, nhưng bà sẽ không lùi lại bất cứ trước một điều gì, dù cho đến tội ác. Bà sẽ không như bà Kiêm-Lâm, chịu để người ta cướp mất chồng.

Cửa bên ngoài mở, bà Mậu nhận thấy tiếng chồng về. Ông Mậu nói gì với con sen, rồi vào buồng ngủ, ông cởi áo, hỏi bà:

— Mợ làm sao. Không ăn cơm à?

Bà Mậu vẫn nằm im, nhắm mắt. Đợi cho chồng hỏi lại lần nữa.

— Tôi nhức đầu lắm, ông muốn ăn. Cậu ăn đi.

— Nhức đầu à? Chỉ nhức đầu hay có làm sao nữa không?

— Không, chỉ nhức đầu thôi.

— Thế có muốn ăn gì không? Muốn ăn gì thì bảo nó đi mua.

— Được, cậu cứ mặc tôi, để nằm một tí xem nó có đỡ không đã.

Ông Mậu ra buồng ăn. Tiếng đĩa bát lạch cạch. Một lát, ông nói vào:

— À này mợ ạ, có thư ở nhà gửi lên đây.

— Thư ở đâu?

Bà giật mình, tưởng thư của mẹ chồng. Nhà quê ít khi viết thư, mỗi lần viết là có việc quan

trọng. Biết đâu chẳng là truyện bà đang lo nghĩ.

Ông Mậu lại nói vào, mồm như đầy thức ăn:

— Thư ở dưới đê: cô Quý sắp lên chơi đây.

Thư ở trong túi áo tôi ấy, mợ lấy mà xem.

Bà Mậu quên cả nhức đầu, vùng dậy, sỏ vội đôi guốc chạy ra mắc áo. Tay run run, bà lấy chiếc phong bì, liếc qua mấy hàng chữ quen quen của cô em gái, rồi bà đọc rất nhanh cả bức thư. Song bà đọc lại từng chữ: cô Quý sắp lên Hà-nội sắm ít thức vật, và nhân tiện lên thăm anh chị.

Bà Mậu ra nhà ngoài, ngồi xuống cái ghế đối diện với chồng:

— Cậu nhận thư này từ bao giờ?

— Tôi mới nhận được sáng hôm nay, không biết cô ấy lên mua gì. Nếu không ở lâu Hà-nội thì độ mai kia lên đến đây.

— Nó có quen ai ở Hà-nội đâu, mà ở lâu làm gì? Chắc nó lên đây ngay. Lâu nay không được tin tức gì ở nhà, không biết có truyện gì lạ không?

— Chắc cũng chẳng có truyện gì, nếu có truyện gì thì đã viết thư lên, hoặc kể trong thư này. Lâu lắm không gặp cô Quý. Tết vừa rồi xuống lễ tết, cô ấy lại đi vắng. Chắc cô ấy bây giờ đã lớn lắm rồi. Năm nay cô Quý bao nhiêu tuổi nhỉ?

Bà Mậu nhâm tinh:

— Năm nay hình như nó mười chín.

— Hừ, chóng thế đấy. Mới hồi nào hãy còn là cô bé con. Bây giờ đã mười chín tuổi rồi, chẳng biết đã có ai hỏi chưa?

— Tôi cũng không được biết.

Bà Mậu yên lặng nhìn chồng. Trong óc bà, vừa nảy ra một ý tưởng lạ. Thoạt đầu, ý tưởng đó như rất vô lý, dần dần, nó mất vẻ lạ lùng đi, và chỉ còn là một việc thường. Những điều kiện « có thể » thay cho « không có thể ».

Tại sao không hỏi cô Quý cho chồng?

Bà đã muốn cứu vớt lấy tình thế, dù đến tội ác cũng không lui, thì cô Quý lấy ông Mậu sẽ làm thanh thoả hết các truyện. Bà vẫn giữ được địa vị, vẫn là chủ trong gia đình, không sợ người em gái tranh mất quyền hành. Lúc nhỏ, Quý vẫn quen theo lời chị, cô Nga vẫn thường bắt nạt em. Cô Quý sẽ chỉ việc đẻ con. Những đứa con ấy, cùng chung một chút khí huyết, sẽ cũng như con bà. Giá hoàn toàn là con mình thì vẫn hơn, nhưng trong trường hợp này, là phải đầu lòng nhận lấy một phần bất đắc ý ấy, cũng đã là phương tiện lắm rồi. Còn hơn là phải nhận con một người đàn bà nào khác.

Bà ngạc nhiên rằng sao mãi bây giờ mới tìm ra cách giải quyết ấy. Cô em chắc không chiếm được tình yêu của chồng. Ông Mậu không phải là người yêu đến si, mê. Mà sau này, dù có xảy ra truyện gì, bà cũng vẫn là vợ cả. Đối với một người vợ lẽ, lại là em gái, bà có nhiều quyền hành lắm.

Ông Mậu đã ăn xong, ngồi ghếch chân lên bệ sĩa răng.

Nhưng làm sao cho một người con gái mới mười chín tuổi đầu, bằng lòng lấy ông Mậu, lại lấy lẽ? Lâu không gặp em, bà Mậu không hiểu Quý bây giờ ra sao. Vẫn là cô em ngoan ngoãn, dẽ bảo, hay đã thành một gái mới, tiêm-nhiễm những tư tưởng giải phóng, tự do. Nếu thế thì điều bà định lại càng khó khăn lắm. Nhưng ở một tỉnh nhỏ, cô Quý lại chỉ ngày ngày ngồi trông hàng, chẳng lẽ đã thay đổi đến thế được. Bà sẽ cố tìm lẽ thuyết phục em.

Các ý tưởng đó dồn dập, rồi rối tung trong óc. Bà tự nhủ: « Đều thông thả rồi mình sẽ liệu. »

Từ lúc ấy, bà Mậu hết sức mong em. Bà sai dọn dẹp nhà cửa, như sắp tiếp một vị thượng khách.

Buổi chiều, hai vợ chồng đang ăn cơm thì cô Quý vào.

— Chào anh chị ạ.

Bà Mậu vội bỏ đũa :

— Kia, cô đã lên đấy à? Anh vừa nhận được thư sáng hôm nay. Tưởng mai kia cô mới tới.

— Em cũng định ở lại Hà-nội mua bán rồi mới lên đây, nhưng em lâu thăm anh chị trước, rồi lúc về mua cũng được. Và em muốn rủ chị cùng về Hà-nội với em một thể.

Con chiến non đã vào hang con sói.

(Còn nữa)

Luật thuê nhà

(Tiếp theo trang 19)

Theo sắc lệnh 1-7-1939, những người bị gọi ra lính, ít nhất là 15 hôm, được gia hạn không phải trả tiền nhà còn thiếu, đợi sáu tháng sau khi giải ngũ mới phải trả một thể.

Trong thời kỳ tại ngũ và 6 tháng sau khi giải ngũ, chủ nhà không được đòi tiền nhà, trừ khi người thuê tuy phải ra lính, nhưng lương bổng hoa lợi cũng không vì thế mà giảm; ví dụ các công chức ra lính được giữ cả lương vắn vắn...

Việc miễn trả tiền nhà kể trên thi hành riêng cho các nhà thuê để ở, không thi hành với các cửa hàng.

Điều đó dễ hiểu lắm, vì tuy chủ ra lính, cửa hàng vẫn còn, có giao người nhà trông nom được.

NHƠI CHỦ THÍCH. Nên nhớ là các sắc lệnh chỉ thi hành với người Pháp, người ngoại quốc ở Đông Pháp, người thuộc dân Pháp và các người bản xứ ở trong nhượng địa. Đối với các người bản xứ sống ở ngoài nhượng địa, thì luật pháp do các quốc vương làm ra. Vì thế trong địa hạt Bắc kỳ ngoài các nhượng địa Hanoi, Haiphong. Vua Bảo Đại đã ra một đạo dụ ngày 18 tháng sáu 1940 hạn chế sự tăng tiền nhà và gia hạn cho người ở thuê. Đạo dụ ấy chép theo sắc lệnh 11-1939.

Muốn tránh sự sinh hoạt đắt đỏ

(Tiếp theo trang 3)

Khi H.T.X. đã thành lập, sự bài trừ nạn đầu cơ sẽ dễ dàng; chính-phủ và tư nhân sẽ có những cơ quan tiện lợi để lưu chuyển và phân phối mọi thứ sản-vật hiện nay đã đắt lại hiếm. Sau lúc khủng hoảng này, H. T. X. lại còn có thể thành một lợi khí để gây dựng lại nền kinh-tế sứ ta, vì tổ-chức kinh-tế cần phải hướng dẫn sự sản-xuất và thương-mại cho hợp với sự tiêu-thụ, mà H. T. X. là một phương pháp công-hiệu để đoàn kết và kiểm soát những người tiêu thụ hiện nay đang đòi dặc chỉ biết trông vào nhà cầm quyền để bảo-vệ sự sinh-hoạt của mình.

Giá mua báo dài hạn

	3 tháng		6 th.		12 th.	
Phần A		1p'0		2p10		
Phần B (TRÉ EM)						
(0p12 một số)	1p00	2p00	3p90			
Cả hai phần	1p50	3p00	5p80			

Mua báo dài hạn Phần TRÉ EM có lợi nhiều:

- 1) Rẻ được từ 8% đến 12%.
- 2) Không phải trả thêm tiền về các số đặc biệt giá từ 0p16 đến 0p20.
- 3) Dự các cuộc thi phần thưởng có giá trị.
- 4) Những em mua năm sẽ có quà biếu.
- 5) Những em mua năm có phiếu riêng để dự các cuộc vui do nhà báo tổ chức.
- 6) Những em mua năm mua sách vở giấy bút sẽ được trừ 5% ở hiệu sách TRẦN-VĂN-TẤN phố hàng Bông, số 62, Hanoi (bán đủ các sách học, giấy bút, truyện v. v. . . và các thứ bút máy) được trừ 10% vào giá mua Sách-Hồng ở nhà xuất bản Đồi Nây và Sách Hoa Xuân ở 14 Blockhaus Nord Hanoi.

Năm mươi em đầu tiên mua một năm báo sẽ được những quà biếu đích đáng (đồ chơi và sách, truyện).

LỜI RAO TỐI YẾU:

Tiền mua báo xin mua ngân phiếu gửi thẳng cho nhà báo ở Hà-nội. Nhà báo nhận được tiền, sẽ gửi biên-lai trả lại, vì chỉ biên-lai có chữ nhà báo mới có giá-trị. Nhà báo không chịu trách-nhiệm về các số tiền giao cho những người không có ủy-quyền riêng (pro-curation spéciale) của nhà báo, vì chỉ những người có ủy-quyền riêng mới có quyền nhận tiền và biên-lai.

Thanh-Niên với

VĂN-CHƯƠNG VIỆT-NAM

(Tiếp theo trang 10)

Tinh thần mới sẽ hướng dẫn cả sự sáng-tạo chúng ta nữa. Các nhà phục cổ chờ vội phần khích. Bám chặt lấy một nền tư-tưởng cũ rích cũng vô ý, thực như làm nó lệ quá cho những tư tưởng mới. Những người hờ hào: « phải viết một văn chương có tính cách Việt-Nam » chẳng bao giờ dám định rõ cái tính cách ấy ra sao. « Tính cách Việt-Nam », thật là những chữ trừu-tượng khó hiểu. Một văn chương siêu-dãng phải để cho nhân loại thưởng thức, để cho nhân loại cảm thấy đẹp, chứ không phải chỉ cốt làm vừa lòng một đám người ở trong phạm vi một biên giới! Đem một chút tự do vào công trình sáng tạo, tìm những con đường mới cho nghệ thuật là một công việc tối cần cho sự sống của văn chương nước ta.

Nhưng tự do không phải là gác bỏ hết các luật-lệ. Tự do nghĩa là khoáng-dạt trong tinh thần. Còn như nghệ thuật bao giờ cũng phải theo một phương pháp. Nghệ thuật là « người ta thêm vào thiên nhiên », theo lời nói của Bacon. André Gide trong một bài diễn văn ở hội Mỹ học ở Bruxelles năm 1904 có viết: « Nghệ thuật này nở ra bởi sự kiềm chế, chết bởi tự do » (L'art naît de contrainte, meurt de liberté). Vì lẽ ấy nên nhà viết văn, nhà làm thơ cần phải có học. Học vấn sẽ nâng cao tư cách của văn chương. Nó sẽ tránh cho độc giả những sự khó chịu khi thấy người ta tranh luận âm ỹ về một vấn đề nghệ thuật mà thế giới đã gác bỏ ra ngoài văn đàn từ bao lâu; khi thấy người ta ngáy thơ tưởng mình vừa sáng kiến được một triết lý cao siêu mà than ôi! triết lý ấy chỉ là một triết lý sơ đẳng ở những kho tàng tư tưởng nước ngoài; khi đọc những thi ca không ca ngợi gì ngoài vài tình tiết thương khuôn sáo, vài cái bướm bay và mấy chiếc lá rụng! Không, chúng ta tin như vậy, một kẻ vô học, một người cỡ sơ có thể là một nghệ sĩ trong tâm hồn, họ không thể là một nghệ sĩ bởi văn chương. Ở gốc sự kết tạo nghệ thuật cần phải có thiên tài, điều đó đã dĩ nhiên; nhưng không có học vấn thiên tài như một cây cỏ nhỏ sẽ không có sức vượt lên cao hơn những cây cỏ khác. Đọc văn chương nước ngoài ta thấy bao nhiêu cây hùng tráng và ngoảnh lại nước nhà cây lớn phỏng đã được bao nhiêu?

Duyên có sự thiếu thốn và sút kém trong văn chương ta một phần do ở sự sút kém tinh thần

của những kẻ viết văn. Họ viết để mưu sinh, họ coi thường sự thiêng liêng của một nghề cao quý: một phần do ở sự lãnh đạm có tội của một đa số độc giả, chỉ ưa những nghệ thuật sơ sài miễn là họ được thỏa mãn trong vài mô ước dễ dãi, và họ được giải trí! Đành cho một đám văn sĩ chẳng có học thức và kinh nghiệm gì cả làm mưa gió trên đàn văn, bèn sự lặng thinh của các người tri thức biết thâm mỹ.

Trong số các sức mạnh có ảnh hưởng tới sự sống của đoàn thể, văn chương là một động lực mạnh nhất.

Trên đường chúng ta đi, bao nhiêu tiếng gọi sồn sào! Ta phân vân, ta mong đợi, ta hồi hộp. Có lúc chán nản, ta toan vờ lấy triết lý của một cuộc đời bằng phẳng. Nhưng ta biết không thể sống như thế được. Hôm nay ta dần bước bằng một quyết định. Ta phải làm việc, ta phải phụng sự nghệ thuật chân chính, phải hi sinh cho một lý tưởng, để khỏi hổ thẹn là một thanh niên.

Đứng trước một cái trại lửa

(Tiếp theo trang 17)

sôi con trong sáng kia. Nguyễn muốn đem bao nhiêu là năm hoài nghi cũ của mình nhờ cái lò lửa trung tâm bãi trại này chế hóa bỏ ra thành được một giấy lát tin tưởng chân thành của anh tráng sinh đang yêu đời và đang vui kia.

Đã đến lượt thắp. Tuyên ra làm trò vui bên ngọn lửa trại. Tưởng chông chưa nhận ra được đũa con trá hình đề múa và hát kia, vợ Nguyễn dật lay vạt áo chông. Đứng cạnh nạng, Nguyễn đang ngáy ra như một pho tượng, cặp mắt bị một ngọn lửa cháy-thôi miên. Nguyễn nghĩ dật lùi về một cái á văng tối om om.

HIỆU KHẮC DẤU

HUNG - THINH

50 Hàng Gai và 13 Tô Tịch Hanoi

Là nhà khắc dấu đồng gỗ và các thứ kim khí rất nhanh và đẹp mở đã lâu năm làm nhiều quý khách đã vừa ý

Nhà thuốc HONG KHÊ

CẨM SÓT

Trẻ con người lớn cảm sốt nhưc đầu, uống một gói Thoái nhiệt tán hiệu Phạt 12 tay 5 phút khỏi rút 0p10

SÂM NHUNG BÁCH BỒ

Lấy tinh chất ở hạch các loài vật rất mạnh luyện với sâm nhung và thuốc tốt nên chữa về bộ máy sinh dục của người ta rất mau chóng. Bồ thận, tráng dương, kiên tinh, các bà điều kinh tốt huyết, khỏi bệnh khí hư, v. v... Các bà dùng hộp bạc, các ông hộp vàng, 1p00 một hộp, kiến hiệu ngay.

NGHỆN

Tĩnh ngộ giới yên - thuốc nước 1p00, viên 0p50, không có chất thuốc phiện, nhà đoàn đã phân chất, cai bỏ ngay vẫn làm việc như thường, không bao giờ hút lại nữa.

HỒNG - KHÊ

HANOI - Tổng cục 75 phố Hàng Bò, Tel. 1439

Chi nhánh - 88 phố Huế - Téléphone 755

Và có đại lý khắp các nơi. là một nhà thuốc có danh tiếng đã lâu năm của người Việt-nam, được thưởng rất nhiều bội tinh vàng, bạc và bằng khen. Có biệp sách Gia Đình Y Dược và H. N. Cẩm Nang, ai cũng nên đọc để phòng thân và trị bệnh.

MỚI CẢI TRANG LẠI KIỂU MỸ THUẬT THỦ

GIẤY BAO NGOÀI CỦA DẦU

NHI THIÊN

Ve nhơn: Giá bán mỗi ve 0p24

Trị bá chứng đệ nhất thần hiệu

Sĩ, nông, công, thương bất cứ ở trong nhà hoặc đi ngoài xa, hãy nên đề phòng trong mình, thì phải nhớ luôn luôn có dầu NHI THIÊN, là trị bách bệnh. Nếu có mua dầu NHI THIÊN ve nhơn kiểu mới, cam đoan không khác gì dầu kiểu cũ, hãy xin nhận kỹ lưỡng có hiệu «đng Phạt» là khỏi lo sợ mua lầm dầu giả mạo.



cũ, hãy xin nhận kỹ lưỡng có hiệu «đng Phạt» là khỏi lo sợ mua lầm dầu giả mạo.

NHI THIÊN ĐƯỜNG

DƯỢC PHÒNG

Cholon Hanoi Pnompenh
47 Rue Canton 67 Rue des Voiles 100 Rue Praire

HÀN THUYỀN

xuất bản cục

GIÁM ĐỐC :

Nguyễn xuân Tái

71, PHỐ TIEN - TSIN 71,

— HANOI —

CÁC NHÀ-VĂN CỘNG-TÁC VỚI
« HÀN THUYỀN »

VI-HUYỀN-ĐẮC, NGUYỄN-TUÂN, ĐỒ-PHỒN,
P. N. KHUÊ, TRƯƠNG - TỬU, CHU - THIÊN,
NGUYỄN-ĐỨC-QUYNH, NGUYỄN-ĐÌNH-LẠP

ĐÃ XUẤT BẢN :

Một sức khỏe mới

của P. N. Khuê — (0p40)

Một chuỗi cười

truyện dài trào phúng của Đồ Phồn — (0p60)

Một kiếp đọa đày

tiểu thuyết của Trương Tửu — (0p60)

Bìa sách các văn phẩm đều do họa
sĩ Nguyễn đồ Cung trình bày

SẴP XUẤT BẢN :

Chiếc lư đồng

mắt cua

tiểu-thuyết của Nguyễn Tuân

Nguồn sinh lực

của P. N. Khuê tác giả bộ sách

Sức khỏe mới

HÀN THUYỀN

xuất bản cục

71, Phố Tiên Tsin — Hanoi

Nhà thuốc **Lê-Huy-Phách**

N. 19, BOULEVARD GIA LONG — HANOI

Bán các thứ cao, đan, hoàn tán, có tiếng nhất Đông-dương

Phi Nhi Hoàn

Thư thuốc Phi-nhi hoàn là thư thuốc bổ cho các trẻ em hay nhất.

Thuốc này bào chế rất công phu, dùng toàn những vị bổ tỳ như : Mễ phấn, khế m thực, khánh hoài, kiên linh, qui phấn v. v. Dùng thuốc này, các trẻ em được kiện tỳ tiêu thực, không sinh ra các bệnh vật, đở da, thâm thịt, mau nhón. Giá 0p.50

Bổ Huyết Vinh Căn Tửu

Thư rượu này dùng toàn nhựa các chất bổ làm thành — Chuyên trị : Bổ huyết, cường gân, ích cốt, trừ được hết bệnh tê thấp.

Nhất là các cụ già, các bà sau khi sinh nở, dùng Rượu này để bồi bổ gân huyết thì không còn gì hay bằng.

Các ngài trước khi ăn cơm nên dùng rượu này khai vị, sự tiêu hóa rất tốt.

Giá 1p.50

Vạn Năng Linh Bồ

Tinh thần mệt mỏi, nội tạng khuy suy, gầy yếu, xanh xao, ít ăn kếm ngủ, làm việc hay quên, hay chán nản. Dùng một hộp **VẠN NĂNG LINH BỒ** sẽ thấy tinh thần khoan khoái, ăn ngon, ngủ yên, làm việc lâu mệt.

Thư thuốc này, nói tóm lại, là thư thuốc bồi bổ sức khỏe rất mau. — Giá 1p.00

Bồ Phế Trừ Lao

Thư thuốc này rất hiệu nghiệm — chữa khỏi hết các bệnh khái huyết, khác huyết, xuyên, hao, súc — khỏi đau ngực, tức ngực — khỏi ho khan, ho đờm, ho rúc từng cơn, người xanh xao mệt nhọc — phòng người bệnh lao phổi — Bồ phổi — Muốn đề phòng các bệnh ở phổi, dùng thuốc này không bao giờ sinh ra các bệnh ở phổi được.

Các cụ già, đàn ông, đàn bà, trẻ em đều dùng được cả —

Giá lọ nhón 1p00, lọ nhỏ 0p.60

Giải nhiệt tán Lê huy Phách

Chuyên trị các chứng cảm sốt, cảm nắng, cảm gió — Bất cứ nóng sốt thể nào, sốt ngày sốt đêm sốt cách nhật, người nhón trẻ con đều dùng được — Dùng thuốc này chỉ trong năm phút đồng hồ là khỏi.

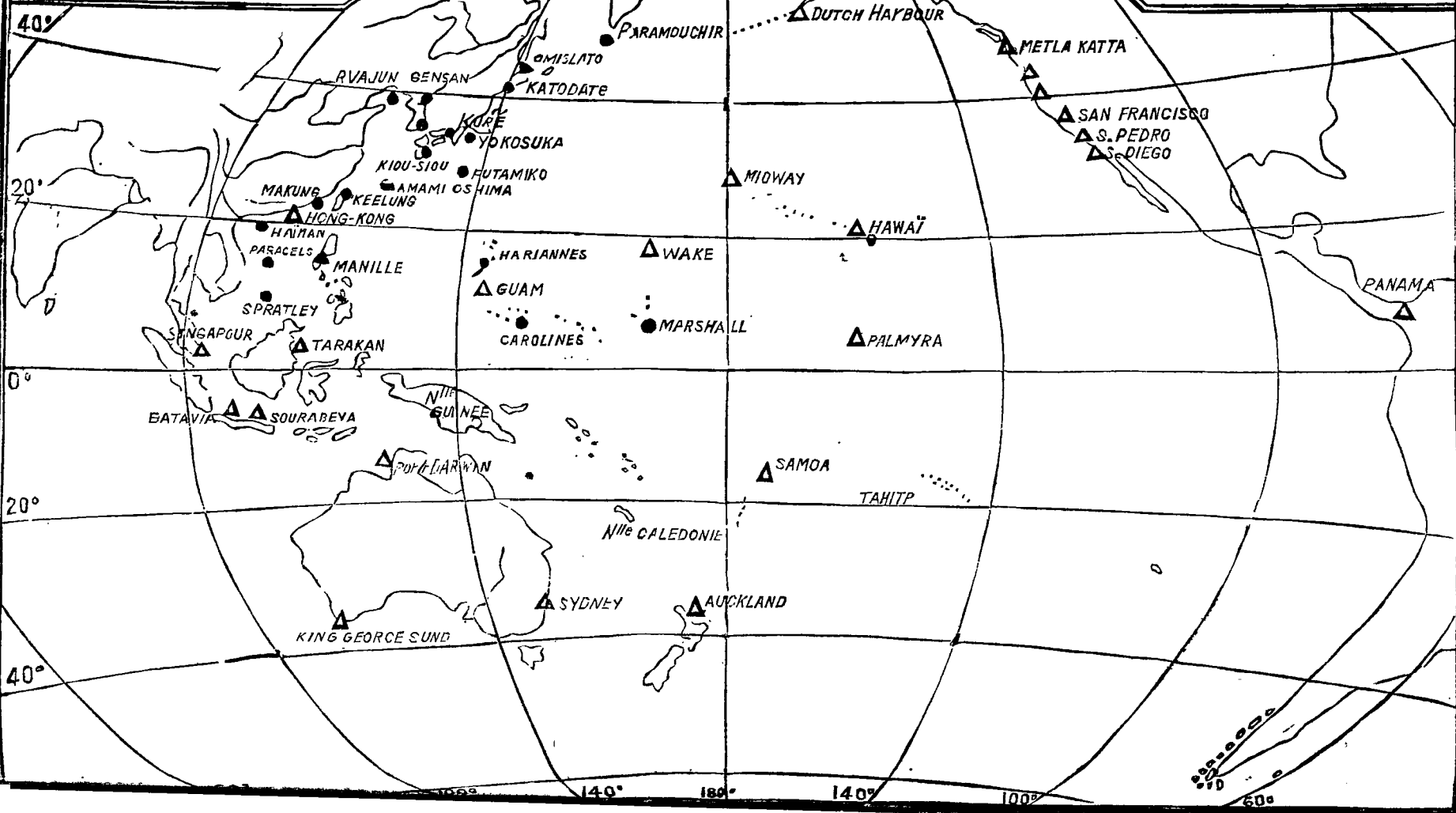
Trong mùa viêm nhiệt này, ai cũng nên trữ sẵn trong nhà thư thuốc này thì không lo ngại gì — Giá 0p.50 ! gói

TỬ CHỨNG THUYẾT MINH

Sách khảo cứu rất công phu về các bệnh Phong, Lao, Cờ, Cách cùng cách chữa Lại có thêm phương pháp chữa bệnh uất, điên, bệnh chó dại. — Giá 1p.00,

Thái-bình dương 1941

Căn-cứ Hải-quân và Không-quân
Anh, Mỹ, Nam-dương ▲
Nhật bản ●



Directeur : VŨ ĐÌNH HOE

Fondateur : ĐOÀN KẾ THIÊN

Imprimerie spéciale du Thanh